

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025

*(Biểu mẫu theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 03/2026



MỤC LỤC

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT VÀ ĐỊNH NGHĨA	3
I. THÔNG TIN CHUNG	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
4. Định hướng phát triển	10
5. Các rủi ro	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	15
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.....	15
2. Tổ chức và nhân sự.....	16
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.....	19
4. Tình hình tài chính.....	20
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	21
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	23
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	30
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	30
2. Tình hình tài chính.....	31
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	31
4. Kế hoạch phát triển 2026	32
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	33
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY... 35	
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	35
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	36
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	36
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
1. Hội đồng quản trị	38
2. Ban Kiểm soát.....	41
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.....	45
4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	47
5. Đánh giá quá trình thực hiện tốt các thông lệ quốc tế về quản trị công ty	49
6. Quản trị rủi ro	52
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	53



BẢNG CHỮ VIẾT TẮT VÀ ĐỊNH NGHĨA

Stt	Chữ viết tắt	Nội dung / định nghĩa
1.	BCTN	Báo cáo thường niên
2.	BCTC	Báo cáo tài chính
3.	BGD	Ban Giám đốc
4.	BKS	Ban Kiểm soát
5.	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
6.	CBTT	Công bố thông tin
7.	CNG	Compressed Natural Gas / Khí thiên nhiên nén
8.	CTCP	Công ty cổ phần
9.	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
10.	HDQT	Hội đồng quản trị
11.	LNG	Liquefied Natural Gas / Khí thiên nhiên hóa lỏng
12.	LPG	Liquefied Petroleum Gas / Khí dầu mỏ hóa lỏng
13.	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
14.	LNST	Lợi nhuận sau thuế
15.	NSNN	Ngân sách nhà nước
16.	PVN	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
17.	PV GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP
18.	PV GAS D / Công ty	Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
19.	QTCT	Quản trị công ty
20.	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
21.	USD	Đồng đô la Mỹ
22.	VND / đồng	Việt Nam Đồng



NỘI DUNG CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
- Tên viết tắt: PV GAS D
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304998686, đăng ký lần đầu ngày 23/05/2007, thay đổi lần thứ 16 ngày 08/10/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Trụ sở chính: Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84.28) 3784.0445
- Fax: (84.28) 3784.0446
- Website: www.pvgasd.com.vn
- Vốn điều lệ: 989.982.660.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 1.475.484.924.451 đồng (tại ngày 31/12/2025)
- Mã cổ phiếu: PGD
- Sản phẩm yết: HOSE
- Logo:



- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Năm 2002: Xí nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp được thành lập ngày 03/01/2002 theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Xí nghiệp Kinh doanh khí thấp áp trực thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (PVGC - PV GAS).
 - + Năm 2007: Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (tiền thân là Xí nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp hoạt động từ năm 2002) được chính thức thành lập theo GCNĐKKD số 0304998686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/05/2007, có vốn điều lệ là 330 tỷ đồng.



+ Năm 2009: Ngày 26/11/2009, cổ phiếu PV GAS D chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 33 triệu cổ phiếu, mã chứng khoán là PGD.

+ Năm 2010: PV GAS D tăng vốn điều lệ lên 429 tỷ đồng bằng phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và Công đoàn. PV GAS nâng tỷ lệ sở hữu tại PV GAS D lên 50,5% vốn điều lệ.

+ Năm 2014: PV GAS D tăng vốn điều lệ từ 429 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng thông qua việc phát hành 17,1 triệu cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, kết hợp với phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu.

+ Năm 2015: Tăng vốn điều lệ lên 899.990.250.000 đồng bằng phát hành cổ phiếu tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

+ Năm 2017: Tokyo Gas Asia Pte. Ltd. (thuộc tập đoàn Tokyo Gas - Nhật Bản) hoàn tất mua vào 22.409.757 cổ phần tương đương 24,9% vốn điều lệ và chính thức trở thành cổ đông lớn của PV GAS D.

+ Năm 2020: Ngày 10/01/2020, Saibu Gas Co., Ltd. (Nhật Bản) hoàn tất mua vào 18.899.796 cổ phần tương đương 21% vốn điều lệ và chính thức trở thành cổ đông lớn của PV GAS D.

+ Năm 2021: Tokyo Gas Asia tăng tỷ lệ sở hữu tại PV GAS D lên 25%. Bất chấp những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tổng sản lượng khí tiêu thụ lần đầu tiên vượt mốc 1 tỷ Sm³, đạt 1.007,2 triệu Sm³, doanh thu đạt 8.996,1 tỷ đồng, vượt 8,4% so với kế hoạch; LNST thực hiện 254 tỷ đồng, vượt 24,2% so với kế hoạch.

+ Năm 2022: Mốc son đánh dấu chặng đường 15 năm hình thành và phát triển của PV GAS D. Năm đầu tiên triển khai Chiến lược kinh doanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tại Chiến lược trong bối cảnh biến động đa chiều của kinh tế toàn cầu. Doanh thu lần đầu vượt mốc 10.000 tỷ đồng, ghi nhận ở mức 11.274,4 tỷ đồng, đạt 121,2% so với kế hoạch; LNST đạt 412,7 tỷ đồng, đạt 101,2% so với kế hoạch.

+ Năm 2023: PV GAS D là đơn vị đầu tiên tiếp nhận và phân phối nguồn khí tái hóa từ LNG nhập khẩu của chuỗi dự án LNG Thị Vải cho các khách hàng công nghiệp, tham gia vào chuỗi giá trị LNG của thế giới. Tăng vốn điều lệ lên 989.982.660.000 đồng bằng phát hành cổ phiếu tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

+ Năm 2024-2025: PV GAS D chuyển mình mạnh mẽ khi đóng vai trò là nhà phân phối chính thức sản phẩm LNG của PV GAS trên toàn quốc, cung cấp gói sản phẩm năng lượng tích hợp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- PV GAS D hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và vận chuyển khí thiên nhiên, bao gồm một số hoạt động chính:



+ Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống (Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống).

+ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Mua bán khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG, khí thiên nhiên nén - CNG, khí dầu mỏ hóa lỏng - LPG).

+ Tư vấn chuyển giao công nghệ. Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ: máy, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp khí thiên nhiên, CNG, LNG, LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp.

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống phân phối sản phẩm khí thiên nhiên và các sản phẩm có nguồn gốc từ khí.

+ Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí; Tư vấn chuyển giao công nghệ và các dịch vụ liên quan máy, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp khí thiên nhiên, CNG, LNG, LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp.

- Địa bàn kinh doanh: PV GAS D có địa bàn hoạt động kinh doanh trên cả nước với trụ sở chính đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh/đơn vị trực thuộc đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ), tỉnh Đồng Nai, tỉnh Hưng Yên (thuộc tỉnh Thái Bình cũ).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của PV GAS D theo Điều 137 - Luật Doanh nghiệp là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

3.2.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của PV GAS D, có quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHCĐ giao. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 5 năm.

HĐQT của PV GAS D bao gồm:

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
3	Bà Nguyễn Thục Quyên	Thành viên HĐQT
4	Ông Yosuke Fujii	Thành viên HĐQT
5	Bà Trần Thị Hạnh Thục	Thành viên độc lập HĐQT



1. Ông Lê Minh Hải - Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1977

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quan hệ Quốc tế

- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 21.780.000 cổ phần (22% vốn điều lệ), trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- Đại diện cổ đông Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP sở hữu: 21.780.000 cổ phần (22% vốn điều lệ).

2. Ông Đỗ Phạm Hồng Minh - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

- Năm sinh: 1978

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khoan thăm dò

- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 18.315.000 cổ phần (18,5% vốn điều lệ), trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- Đại diện cổ đông Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP sở hữu: 18.315.000 cổ phần (18,5% vốn điều lệ).

3. Bà Nguyễn Thục Quyên - Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1970

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Anh văn

- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 9.900.000 cổ phần (10% vốn điều lệ), trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- Đại diện cổ đông Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP sở hữu: 9.900.000 cổ phần (10% vốn điều lệ).

4. Ông Yosuke Fujii - Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1972

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quy hoạch Đô thị

- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 0 cổ phần, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

5. Bà Trần Thị Hạnh Thục - Thành viên độc lập HĐQT

- Năm sinh: 1977

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ

- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 0 cổ phần, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



3.2.2. Bộ phận Kiểm toán nội bộ

Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thành lập và hoạt động dưới sự quản lý trực tiếp của Hội đồng quản trị Công ty. Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, Kiểm toán nội bộ sẽ đưa ra những ý kiến mang tính độc lập, khách quan và các kiến nghị về kiểm soát nội bộ, quản trị, quản trị rủi ro, mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ của Công ty. Người phụ trách Kiểm toán nội bộ:

- Ông Nguyễn Việt Thắng
- Năm sinh: 1984
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp
- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 03 cổ phần (0% vốn điều lệ), trong đó:
- Cá nhân sở hữu: 03 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

3.2.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của BKS là 5 năm.

Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Ông Nguyễn Tiến Hải - Trưởng Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư Kinh tế xây dựng
- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 0 cổ phần, trong đó:
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

2. Ông Trần Huỳnh Thanh Tú - Kiểm soát viên

- Năm sinh: 1989
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 0 cổ phần, trong đó:
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

3. Ông Phạm Tuấn Anh - Kiểm soát viên

- Năm sinh: 1988
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Doanh nghiệp; Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 0 cổ phần, trong đó:
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần



3.2.4. Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT làm Giám đốc Công ty và ký hợp đồng quy định về tiền lương, thưởng, ưu đãi và các quy định lao động khác đối với Giám đốc Công ty. Giám đốc Công ty không đồng thời là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty là 5 năm.

Ban Giám đốc Công ty PV GAS D bao gồm:

1. Ông Đỗ Phạm Hồng Minh - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty, xem Mục HĐQT (3.2.1)

2. Ông Nguyễn Tuấn Cường - Phó giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26/11/2025)

- Năm sinh: 1977

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ hữu cơ - Hóa dầu

- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 0 cổ phần, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

3. Ông Nguyễn Nhật Quốc Toàn - Phó giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26/11/2025)

- Năm sinh: 1980

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư công nghệ Hữu cơ - Hóa dầu

- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 10.688 cổ phần, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 10.688 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

4. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh - Phó giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 21/02/2025)

- Năm sinh: 1986

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh doanh Quốc tế; Cử nhân Tiếng Anh.

- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 0 cổ phần, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

5. Ông Đặng Quốc Vương - Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1985

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

- Sở hữu cổ phần (tại ngày 08/12/2025): 0 cổ phần, trong đó:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần



3.3. Các công ty con, công ty liên kết

PV GAS D hiện không đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Giữ vững vị thế PV GAS D là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm và dịch vụ năng lượng, trong đó khí thiên nhiên là lĩnh vực cốt lõi, phục vụ khách hàng công nghiệp trên phạm vi cả nước; hoạt động hiệu quả, có sức cạnh tranh cao và đóng vai trò là mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị khí của PV GAS.

- Tăng trưởng sản lượng ổn định hàng năm, phát huy sức mạnh tổng hợp cùng các đơn vị trong PV GAS nhằm phát triển và duy trì thị phần chi phối trên thị trường khí thiên nhiên trong nước.

- Tham gia cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và ứng dụng công nghệ cao nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng năng lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh; đồng thời đa dạng hóa sản phẩm và tập khách hàng, bám sát xu thế chuyển dịch năng lượng trên cơ sở phù hợp với định hướng của PV GAS và PVN.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty bao gồm:

- Phát huy và khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực cung cấp khí thiên nhiên; tiếp tục phát triển, đầu tư xây dựng và đẩy mạnh công tác thị trường theo hướng đa dạng hóa sản phẩm và khách hàng, trong đó hoạt động kinh doanh cốt lõi là khí thiên nhiên; từng bước phát triển PV GAS D trở thành đơn vị kinh doanh năng lượng trên phạm vi cả nước với phân khúc chính là khách hàng công nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ khí trên toàn quốc; tối ưu hệ thống cơ sở hạ tầng, chủ động đầu tư đồng bộ theo kế hoạch phát triển nguồn của PV GAS; đa dạng hóa các sản phẩm năng lượng từ khí nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường; bảo đảm hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững.

- Bảo đảm nguồn cấp khí ổn định, duy trì và phát triển thị trường tiêu thụ khí hiện hữu, đồng thời mở rộng các thị trường mới trên phạm vi cả nước.

- Đa dạng hóa nguồn cung khí (bao gồm nguồn khí nội địa và LNG nhập khẩu), hướng tới đa dạng hóa các sản phẩm năng lượng cung cấp cho khách hàng và mở rộng quy mô thị trường.

- Phát triển lĩnh vực dịch vụ tư vấn kỹ thuật, bảo dưỡng và sửa chữa công trình khí; ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong hoạt động phân phối khí nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng năng lượng và năng lực cạnh tranh.

- Bám sát xu thế phát triển khoa học công nghệ trên thế giới; nghiên cứu, ứng dụng các sáng kiến, giải pháp quản trị và chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa, nâng cao hiệu quả đầu tư và vận hành các dự án khí như hệ thống đường ống và các trạm phân phối.

- Đẩy mạnh hoạt động quảng bá và tiếp thị, chú trọng bảo vệ và phát triển thương hiệu PV GAS D là nhà cung cấp năng lượng uy tín, chất lượng hàng đầu tại Việt Nam.



- Phát triển PV GAS D trên cơ sở không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, bảo đảm an toàn, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững; phát huy nội lực, đồng thời tận dụng các nguồn lực bên ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế để nâng cao uy tín thương hiệu PV GAS D và mang lại lợi ích cho cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng.

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức theo từng giai đoạn phát triển, bảo đảm vận hành hiệu quả và phù hợp với xu thế hội nhập; chú trọng phát triển đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn cao, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật và tinh thần tự hào nghề nghiệp.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính trong ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực công nghiệp khí nói riêng và năng lượng nói chung, PV GAS D cam kết phát huy tối đa các nguồn lực, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền phát triển con người, thực thi trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, cạnh tranh lành mạnh nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội, phát triển cho hôm nay và hướng đến sự bền vững, tốt đẹp cho các thế hệ tương lai.

- Về kinh tế: Giữ vững mục tiêu phát triển hiệu quả gắn liền với phát triển bền vững, gia tăng lợi ích, giá trị thiết thực cho các bên liên quan.

- Về môi trường: Tiếp tục đầu tư có chiều sâu vào quy trình sản xuất kinh doanh nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường. Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, không để xảy ra sự cố liên quan đến môi trường hay vi phạm pháp luật về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

- Về cộng đồng, xã hội: Thực hiện đầy đủ trách nhiệm với xã hội và cộng đồng thông qua tạo việc làm ổn định, bền vững cho người lao động; góp phần phát triển kinh tế địa phương; hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước; tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động thiện nguyện; đồng hành cùng tương lai đất nước.

5. Các rủi ro

Hoạt động kinh doanh của PV GAS D tập trung vào lĩnh vực cung cấp khí thiên nhiên – một ngành đặc thù chịu sự chi phối của nhiều yếu tố cả trong nước và quốc tế. Do đó, các rủi ro tác động đến Công ty rất đa dạng, từ biến động kinh tế vĩ mô trong nước đến những thay đổi phức tạp trên thị trường năng lượng toàn cầu.

Nhận thức rõ đặc thù này, PV GAS D luôn đặt công tác quản trị rủi ro ở vị trí trọng tâm trong chiến lược phát triển. Công ty triển khai các biện pháp quản trị toàn diện nhằm giảm thiểu tác động bất lợi, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Đây cũng là nền tảng để PV GAS D thúc đẩy tăng trưởng bền vững, củng cố vị thế trên thị trường và tạo dựng niềm tin với khách hàng, đối tác cũng như nhà đầu tư.

Trong năm 2025, PV GAS D đã phân tích, đánh giá, theo dõi và quản lý các rủi ro ảnh hưởng lớn đến chiến lược và hoạt động kinh doanh, bao gồm:



Rủi ro	Nhận diện
1. Rủi ro thị trường	
Rủi ro nguồn cung khí	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động kinh doanh của PV GAS D phụ thuộc rất lớn vào nguồn cung khí của PV GAS nói riêng và hoạt động của ngành năng lượng nói chung. - Mọi biến động từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí cũng như tình hình kinh tế, chính trị toàn cầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung cũng như chi phí đầu vào của PV GAS D. - Mặc dù Công ty là đơn vị thành viên của PV GAS và có lợi thế trong việc tiếp cận nguồn cung khí, sự thay đổi về sản lượng cung cấp hoặc kế hoạch phân bổ nguồn khí vẫn có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
Rủi ro nhu cầu khí	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu tiêu thụ khí của các khách hàng tác động trực tiếp đến sản lượng và kết quả kinh doanh/ tài chính của Công ty. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ khí của khách hàng phụ thuộc vào rất nhiều các yếu tố như kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, tình hình hiện tại cũng như xu hướng, chiến lược phát triển của các ngành nghề kinh tế, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và kế hoạch của khách hàng. - Xu hướng phát triển năng lượng tái tạo và các cam kết giảm phát thải carbon có thể ảnh hưởng đến triển vọng tiêu thụ khí trong dài hạn. Việc gia tăng tỷ trọng tiêu thụ các loại năng lượng tái tạo có thể làm giảm nhu cầu đối với các nguồn năng lượng hóa thạch, bao gồm khí thiên nhiên.
Rủi ro giá khí	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động chính trong lĩnh vực phân phối khí, lợi nhuận của PV GAS D sẽ bị ảnh hưởng khi giá khí đầu ra và đầu vào có những biến động bất lợi, theo đó: + Biến động giá khí đầu vào và đầu ra có thể không đồng bộ theo từng thời kỳ. Trong trường hợp giá khí đầu vào tăng nhanh hơn so với khả năng điều chỉnh giá bán cho khách hàng, biên lợi nhuận của Công ty có thể bị thu hẹp, qua đó ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh.
Rủi ro cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> - PV GAS D hiện là nhà cung cấp chiếm thị phần lớn các sản phẩm khí thiên nhiên. Tuy nhiên, PV GAS D vẫn phải đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các nguồn nhiên liệu thay thế có chi phí thấp hơn như than, trấu, biomass, củi và các loại nhiên liệu truyền thống khác. Bên cạnh đó, trong bối cảnh thị trường năng lượng ngày càng hội nhập, sự xuất hiện của các nhà cung cấp LNG nhập khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nước ngoài có thể làm gia tăng mức độ cạnh tranh trên thị trường.



Rủi ro	Nhận diện
	<ul style="list-style-type: none"> - Bên cạnh đó, xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu theo hướng giảm dần phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, cùng với sự phát triển ngày càng mạnh của các nguồn năng lượng tái tạo và các cam kết giảm phát thải khí nhà kính của nhiều quốc gia, có thể làm thay đổi cơ cấu tiêu thụ năng lượng trong dài hạn. Những xu hướng này có thể ảnh hưởng đến triển vọng nhu cầu đối với khí thiên nhiên trong một số lĩnh vực tiêu thụ năng lượng.
2. Rủi ro tài chính	
Rủi ro lãi suất	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty (nếu có). - Lãi vay tăng cao làm gia tăng chi phí tài chính, tác động tiêu cực đến kết quả lợi nhuận của Công ty. - Lãi suất tăng cao cũng khiến các kênh huy động vốn có thể bị thu hẹp.
Rủi ro tỷ giá	<ul style="list-style-type: none"> - Biến động tỷ giá trên thị trường ngoại hối, đặc biệt là tỷ giá USD/VND, có thể làm gia tăng chi phí và tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. - Trong ngành năng lượng và khí, một số yếu tố chi phí và giá tham chiếu trên thị trường quốc tế thường được xác lập hoặc tham chiếu theo USD. Do đó, biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng đến chi phí đầu vào, giá mua khí hoặc các chi phí liên quan đến đầu tư, mua sắm thiết bị, dịch vụ kỹ thuật trong ngành.
Rủi ro tín dụng (phải thu khách hàng)	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro tín dụng phát sinh từ nghĩa vụ thanh toán của các đối tác, khách hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng với Công ty. Trường hợp đối tác không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán có thể gây ra tổn thất tài chính, làm suy giảm dòng tiền và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. - Bên cạnh đó, việc phát sinh công nợ quá hạn hoặc công nợ khó đòi có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sử dụng vốn, khả năng thanh toán với các đối tác cũng như uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường.
3. Rủi ro vận hành	
Rủi ro vận hành (cháy nổ, ô nhiễm môi trường)	<ul style="list-style-type: none"> - Với sản phẩm chính là khí thiên nhiên, loại nhiên liệu có nhiệt năng lớn, hiệu quả đốt cháy cao, nên công tác vận hành của PV GAS D luôn phải đối mặt với nguy cơ cháy nổ, hoả hoạn, ô nhiễm môi trường... - Bất kỳ sự cố nào xảy ra, PV GAS D đều gánh chịu thiệt hại lớn về tài sản, con người và môi trường thiên nhiên. Hơn nữa, PV GAS D cũng cần rất nhiều thời gian để có thể khắc phục được hậu quả cũng như phục hồi uy tín trước cộng đồng, người lao động và đối tác.



Rủi ro	Nhận diện
Rủi ro nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động trong lĩnh vực phân phối và kinh doanh khí thiên nhiên với đặc thù kỹ thuật cao, PV GAS D cần đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn sâu trong các lĩnh vực như vận hành hệ thống đường ống dẫn khí, quản lý hạ tầng khí và công nghệ LNG. - Trong bối cảnh ngành năng lượng đang phát triển và chuyển dịch mạnh mẽ, nhu cầu đối với nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao ngày càng gia tăng, dẫn đến sự cạnh tranh trong thu hút và duy trì đội ngũ kỹ sư, chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực khí và năng lượng. - Trong trường hợp nguồn nhân lực của Công ty không được bổ sung và phát triển kịp thời để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và vận hành ngày càng cao của ngành, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các kế hoạch phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng.
4. Rủi ro tuân thủ pháp lý	
Rủi ro tuân thủ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Là công ty cổ phần niêm yết đại chúng, PV GAS D phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các quy định pháp luật khác có liên quan. - Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty trong lĩnh vực khí còn chịu sự điều chỉnh của Luật Dầu khí và các quy định chuyên ngành liên quan đến hoạt động dầu khí và kinh doanh khí. - Ngoài ra, các chính sách quản lý nhà nước đối với ngành năng lượng, bao gồm chính sách phát triển thị trường năng lượng, cơ chế quản lý và điều hành giá khí, cũng có thể có những thay đổi theo từng giai đoạn. Những thay đổi trong khung pháp lý và chính sách năng lượng có thể tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như định hướng phát triển của Công ty.
5. Rủi ro khác	
Rủi ro bất khả kháng	<p>Các điều kiện bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, động đất, lũ lụt... khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
Các rủi ro khác	<p>Ngoài các rủi ro nêu trên, hoạt động của PV GAS D có thể chịu các rủi ro khác phát sinh từ các yếu tố chưa được dự báo đầy đủ hoặc nằm ngoài phạm vi kiểm soát của Công ty.</p>



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 trong bối cảnh tình hình thị trường trong năm đối mặt với nhiều khó khăn, biến động không thể dự đoán, PV GAS D đã xây dựng và triển khai đồng bộ, linh hoạt nhiều giải pháp để ứng phó, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực tới hoạt động của PV GAS D. Nhờ đó, PV GAS D đã thực hiện (TH) hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch (KH) và nhiệm vụ được giao, cụ thể như sau:

1.1.1. Chỉ tiêu sản lượng

(Đơn vị tính: triệu Sm³)

Chỉ tiêu	TH 2024	Năm 2025		So với	
		KH	TH	KH	Cùng kỳ
Sản lượng	1.014,8	1.051,4	1.051,6	100%	103,6%

Trong năm 2025, tổng sản lượng khí tiêu thụ của Công ty đạt 1.051,6 triệu Sm³, hoàn thành 100% kế hoạch và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2024. Kết quả này phản ánh sự phục hồi từng bước của nền kinh tế trong nước, khi nhiều khách hàng đã quay trở lại hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, thị trường vẫn tồn tại không ít thách thức, đặc biệt là khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của nhóm khách hàng thuộc lĩnh vực bất động sản như gạch men, sắt thép và vật liệu xây dựng.

1.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Stt	Chỉ tiêu	TH 2024	Năm 2025		So với	
			KH	TH	KH	Cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	10.968,7	10.550,7	11.495,4	109%	104,8%
2	Giá vốn hàng bán	10.169,5	9.827,7	10.784,8	109,7%	106,1%
3	Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	481,5	514,4	499,0	97%	103,6%
3.1	Chi phí bán hàng	385,5		407,7		105,8%
3.2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	96		91,3		95,1%



Stt	Chỉ tiêu	TH 2024	Năm 2025		So với	
			KH	TH	KH	Cùng kỳ
4	Lợi nhuận trước thuế	312,9	208,6	209,8	100,6%	67,1%
5	Lợi nhuận sau thuế	249,2	166,9	168,4	100,9%	67,6%
6	Nộp NSNN	117,2	79,3	93,3	117,7%	79,6%

Tổng doanh thu đạt 11.495,4 tỷ đồng, hoàn thành 109% kế hoạch; bằng 104,8% so với cùng kỳ năm 2024. Doanh thu tăng do điều chỉnh giá bán phù hợp với giá vốn đầu vào và theo diễn biến giá cả thị trường nhiên liệu. Trong khi đó, giá vốn hàng bán tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước do tác động của thị trường nhiên liệu nói chung và giá dầu nói riêng, dẫn đến lợi nhuận trước thuế đạt 209,8 tỷ đồng, hoàn thành 100,6% kế hoạch sau điều chỉnh; bằng 67,1% so với cùng kỳ năm 2024. LNST đạt 168,4 tỷ đồng, hoàn thành 100,9% kế hoạch sau điều chỉnh, bằng 67,6% so với cùng kỳ năm trước. Nộp NSNN đạt 93,3 tỷ đồng, bằng 117,7% so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban Điều hành Công ty

Danh sách thành viên Ban Điều hành Công ty trong năm 2025, chi tiết như sau:

Stt	Thành viên Ban Giám đốc	Chức danh
1	Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
2	Ông Nguyễn Tuấn Cường (Miễn nhiệm từ ngày 26/11/2025)	Phó giám đốc
3	Ông Nguyễn Nhật Quốc Toàn (Miễn nhiệm từ ngày 26/11/2025)	Phó giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh (Bỏ nhiệm từ ngày 21/02/2025)	Phó giám đốc
5	Ông Đặng Quốc Vương	Kế toán trưởng

(Xin xem thông tin chi tiết về Ban giám đốc Công ty tại phần I.3 Báo cáo này)

2.2. Những thay đổi trong năm của Ban Điều hành

Trong năm 2025, PV GAS D có thay đổi về nhân sự Ban Điều hành như sau:



Stt	Thành viên	Chức vụ trước thay đổi	Lý do thay đổi
1	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó giám đốc PV GAS D	Miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc từ ngày 26/11/2025
2	Ông Nguyễn Nhật Quốc Toàn	Phó giám đốc PV GAS D	Miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc từ ngày 26/11/2025
3	Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Trưởng phòng Kinh doanh kiêm Trợ lý Ban Giám đốc	Được bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc từ ngày 21/02/2025

2.3. Báo cáo nhân sự 2025

PV GAS D luôn đề cao sức mạnh của nguồn nhân lực, xem đó là một trong những yếu tố then chốt, mang tính quyết định với sự thành công của Công ty. Công ty không ngừng hoàn thiện mô hình quản trị, đề cao sự tôn trọng cá nhân, đồng thời tập trung xây dựng môi trường làm việc hòa nhập, hấp dẫn, thúc đẩy sự phát triển của cá nhân trong sự phát triển bền vững của Công ty.

2.3.1. Tổng quan lực lượng lao động

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số cán bộ công nhân viên (CBCNV) của PV GAS D là 275 lao động, thu nhập bình quân của người lao động là 39,0 triệu đồng/người/tháng, so với năm 2024 là 37,9 triệu đồng/người/tháng.

- 100% CBCNV của Công ty được ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, trong đó phần lớn được ký hợp đồng không xác định thời hạn, thể hiện sự cam kết lâu dài của Công ty nhằm đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động.

- 100% người lao động được bố trí việc làm phù hợp với trình độ, năng lực, chuyên môn và không xảy ra trường hợp mất việc, ngừng việc, góp phần giúp Công ty tận dụng tối đa nguồn lực về nhân sự, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

2.3.2. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Chính sách lao động - tiền lương

PV GAS D đã ban hành các quy chế, quy định liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, chế độ, chính sách... nhằm tăng tính phù hợp với các quy định của Nhà nước vừa mang đặc thù riêng nhằm tạo động lực cho các CBCNV làm việc hiệu suất cao, gắn kết cũng như góp phần vào sự phát triển lâu dài của Công ty.



Chính sách cho người lao động tại PV GAS D đạt được các yếu tố chính sau:

- Chính sách lương, thưởng được thực hiện dựa theo hiệu quả, năng suất của CBCNV. Mỗi vị trí chức danh được bố trí phù hợp với năng lực và chuyên môn, qua đó vừa duy trì hiệu suất, vừa khuyến khích mỗi cá nhân nỗ lực phát triển và vươn lên.

+ Chính sách lương, thưởng cũng thường xuyên được cập nhật, đánh giá tính phù hợp với thực tế nhằm đảm bảo quyền lợi cho CBCNV, vừa góp phần thu hút và giữ chân nhân tài cho Công ty.

+ Đặc biệt, PV GAS D áp dụng chính sách phân bổ mức lương cao hơn mức tối thiểu tại các vùng kinh doanh, nhằm bảo đảm công bằng, loại bỏ bất bình đẳng và ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương tại nơi Công ty hoạt động. Chính sách này không chỉ góp phần nâng cao đời sống người dân mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của các địa phương.

- Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe và phúc lợi xã hội của người lao động

+ Bên cạnh chế độ lương, thưởng, Công ty còn triển khai nhiều chính sách phúc lợi dành cho CBCNV như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu cho nữ CBCNV, khám bệnh nghề nghiệp, cùng các chương trình bảo hiểm trách nhiệm cao. Những chính sách này mang lại sự chăm sóc toàn diện, tạo động lực để người lao động tiếp tục phấn đấu, tận tâm cống hiến và phát huy tối đa năng lực bản thân.

+ Công ty ban hành Thỏa ước lao động tập thể nhằm đưa ra thống nhất bằng văn bản thỏa thuận giữa tập thể lao động và người sử dụng lao động với những quyền lợi, nghĩa vụ của hai bên để đảm bảo lợi ích hài hòa góp phần duy trì sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và Công ty.

+ Ngoài Thỏa ước lao động tập thể, Công ty và Công đoàn còn tổ chức Hội nghị người lao động định kỳ nhằm thấu hiểu nguyện vọng cũng như khó khăn của người lao động để kịp thời ghi nhận và điều chỉnh, góp phần tăng cường gắn kết giữa Công ty và người lao động. Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức Hội nghị người lao động với ý nghĩa Hội nghị là cầu nối giữa Ban lãnh đạo Công ty và người lao động để lắng nghe, giải đáp ý kiến của người lao động, đồng thời là kênh thông tin truyền thông đến người lao động về tình hình sản xuất kinh doanh, các quy chế, quy định, nội quy... của Công ty vì mục tiêu xây dựng một tập thể đoàn kết, vững mạnh, góp phần vào việc phấn đấu hoàn thành các kế hoạch, chiến lược của Công ty.

- Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

+ PV GAS D luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, đồng thời tăng cường công tác thu hút, bổ sung đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn cao phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính sách đào tạo được triển khai đồng bộ theo định hướng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và ý thức kỷ luật, qua đó góp phần xây dựng đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.



+ PV GAS D thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kỹ thuật cho người lao động; đồng thời cử cán bộ quản lý và người lao động có năng lực, kinh nghiệm tham gia các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu do các đơn vị chuyên ngành tổ chức, nhằm cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực thực hành trong công việc.

+ Các chương trình đào tạo nội bộ về an toàn lao động, an toàn vận hành, bảo dưỡng – sửa chữa tiếp tục được triển khai cho CBCNV làm việc trực tiếp trong môi trường có nhiều yếu tố rủi ro, góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng ngừa sự cố và bảo đảm an toàn trong quá trình sản xuất, vận hành.

+ Bên cạnh đào tạo tập trung, Công ty đẩy mạnh hình thức đào tạo tại chỗ thông qua kèm cặp, hướng dẫn trong quá trình làm việc, chia sẻ kinh nghiệm giữa các cá nhân và bộ phận; qua đó giúp người lao động nhanh chóng thích nghi với công việc, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và tính kế thừa về chuyên môn trong nội bộ Công ty.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2025	Năm 2025	
				TH	TH/KH
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	92	13,1	14,2%
-	Dự án đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	37	12,1	32,7%
-	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	55	1	1,8%
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	80	19	23,8%
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	80	19	23,8%
-	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-

Trong năm 2025, PV GAS D thực hiện đầu tư với giá trị là 13,1 tỷ đồng, đạt 14,2% kế hoạch năm và giải ngân 19 tỷ đồng, đạt 23,8% là do các nguyên nhân sau:

- Một số khách hàng lùi thời gian bắt đầu nhận khí so với kế hoạch ban đầu dẫn đến thay đổi kế hoạch đầu tư.

- Nhằm đẩy nhanh tiến độ cấp khí, đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng, Công ty thực hiện phương án cấp khí thay thế phương án đầu tư xây dựng cho một số dự án trong kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025.

- Toàn bộ các đầu việc liên quan đến cải tạo nhà văn phòng ở các địa bàn hoạt động của Công ty tạm ngừng để phù hợp tiến độ cập nhật bộ nhận diện thương hiệu Công ty và phù hợp định hướng mới di dời tòa nhà văn phòng Gas Tower tại Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ) của Công ty.



4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	So sánh (%)
1	Tổng giá trị tài sản	3.768,2	3.574,8	94,9%
2	Doanh thu thuần	10.937,6	11.452,6	104,7%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	314,4	210	66,8%
4	Lợi nhuận khác	(1,5)	(0,2)	13,3%
5	Lợi nhuận trước thuế	312,9	209,8	67,1%
6	Lợi nhuận sau thuế	249,2	168,4	67,6%
7	- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt / Vốn điều lệ - Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt / Vốn điều lệ (kế hoạch)	15%	15%	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,5	1,5
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,5	1,5
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,6	0,6
-	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,6	1,4
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	41	37
-	Kỳ lưu kho bình quân	Ngày	1,7	1,8
-	Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	64,7	64,2
-	Vòng quay tổng tài sản	Lần	3,1	3,1
Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025



4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	2,3	1,5
-	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,3	11,4
-	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	7	4,6
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,9	1,8

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Thông tin cổ phần tại ngày 08/12/2025

Tổng số cổ phiếu phát hành, trong đó:	98.998.266 cổ phiếu
- Cổ phiếu đang lưu hành:	98.997.311 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ:	955 cổ phiếu
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	98.998.266 cổ phần
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

- Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/12/2025

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại PV GAS D là 49%.

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
A	Cổ đông sáng lập	50.151.461	50,66%	3	3	-
B	Cổ đông					
1	Cổ đông lớn	95.534.507	96,5%	3	3	
1.1	Cổ đông lớn trong nước	49.995.000	50,5%	1	1	-
1.2	Cổ đông lớn nước ngoài	45.539.50	46%	2	2	-
2	Công đoàn	60.492	0,06%	1	1	-



Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
3	Cổ phiếu quỹ	955	0%	1	1	-
4	Cổ đông khác	3.245.851	3,28%	1.638	30	1.608
Tổng cộng:		98.997.311	100%	1.645	37	1.608
Trong nước:		53.006.936	53,54%	1.571	18	1.553
Nước ngoài:		45.991.330	46,46%	74	19	55

- Thông tin cổ đông lớn sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại ngày 08/12/2025

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS)	Tòa nhà PV Gas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	49.995.000	50,5%
2	Tokyo Gas Asia Pte. Ltd.	9 Raffles Place # 22-03 Republic Plaza Singapore (048619)	24.749.732	25%
3	Saibu Gas Holdings Co., Ltd.	1-17-1 Chiyo, Hakata-ku, Fukuoka, Japan 812-8707	20.789.775	21%
Tổng cộng:			95.534.507	96,5%



- Quá trình tăng vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Năm	2010	2014	2015	2023	2025
Vốn điều lệ	429	600	899,99	989,98	989,98
Vốn chủ sở hữu	878,2	1.162,4	1.269,9	1.401,5	1.475,5

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2025, Công ty không thực hiện mua bán cổ phiếu quỹ.

- **Các chứng khoán khác:** Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động đến môi trường

- **Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp**

Stt	Tên khí nhà kính	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025 so với 2024 (%)
1	CO ₂ KNK	tấn CO ₂ e	4.253,82	3.727,76	87,6%

- **Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính**

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, PV GAS D cam kết đóng góp tích cực vào việc giảm thiểu tác động đến môi trường, trong đó có nội dung cắt giảm khí nhà kính.

Công tác xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính gồm:

+ Thực hiện tuân thủ quy trình kiểm kê sử dụng năng lượng, phát thải khí nhà kính và khí ô nhiễm áp dụng của Công ty mẹ PV GAS.

+ Xây dựng lộ trình, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo Hướng dẫn và lộ trình của PVN. Rà soát, cập nhật các quy định nội bộ về sử dụng điện tại khu vực văn phòng và các trạm phân phối khí.

+ Ứng dụng công nghệ mới và năng lượng mới trong các dự án mới và các dự án hiện hữu có cơ hội cải tạo, nâng cấp.

+ Quản lý chặt chẽ định mức chênh lệch, định mức hao hụt hệ thống đo đếm khí và các định mức kinh tế kỹ thuật đã ban hành.



+ Áp dụng các giải pháp tối ưu bao gồm sử dụng năng lượng tái tạo, cải tiến hiệu suất làm việc của máy móc thiết bị và nghiên cứu đánh giá chuyển dịch năng lượng sang các nguồn nguyên liệu thân thiện với môi trường. Cụ thể: sử dụng điện mặt trời tại các công trình chính, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, tối ưu hóa quy trình vận hành nhằm giảm thiểu lãng phí tài nguyên và tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện, tuyên truyền, vận động gia đình, bạn bè và người xung quanh cùng thực hiện.

+ Cắt giảm sử dụng điện giờ cao điểm: Hạn chế vận hành các thiết bị không thiết yếu vào giờ cao điểm, thực hành tiết kiệm điện trong sản xuất, kinh doanh; lắp đặt bộ hẹn giờ cho máy lạnh để điều chỉnh theo mùa và giờ làm việc; thay thế 100% đèn hồng bằng đèn LED hiệu suất cao. Lắp đặt thêm cảm biến chuyển động/ánh sáng tại hành lang, sảnh chung, nhà vệ sinh; tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên.

+ PV GAS D đang nghiên cứu triển khai các dự án cung cấp khí cho các nhà máy điện than, DO góp phần làm giảm phát thải khí nhà kính; nghiên cứu đánh giá khả năng phối trộn GH2 với khí tự nhiên và vận chuyển, phân phối bằng đường ống, công trình khí hiện hữu của PV GAS D; nghiên cứu đánh giá cơ hội sản xuất năng lượng tái tạo GH2 từ các nguồn điện và tận dụng hạ tầng của PV GAS D để phân phối kinh doanh; triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho khách hàng sử dụng khí.

+ Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, PV GAS D tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phổ biến, đưa sản phẩm khí thiên nhiên đến với nhiều khách hàng hơn nhằm khuyến khích sử dụng năng lượng xanh, góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Nhà cung cấp chính của Công ty là PV GAS nên vấn đề về môi trường luôn được tuân thủ. PV GAS thường xuyên tuyên truyền các vấn đề tuân thủ về môi trường cho các công ty và đơn vị trực thuộc của PV GAS.

Ngoài ra, PV GAS D còn thường xuyên tham gia hưởng ứng các hội thảo, hoạt động liên quan đến an toàn lao động và bảo vệ môi trường do PV GAS và các cơ quan nhà nước tổ chức.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù của PV GAS D là phân phối khí thiên nhiên qua hệ thống đường ống nên không có nguyên vật liệu dạng thô làm nguyên liệu sản xuất. Tổng sản lượng khí thiên nhiên phân phối tới các khách hàng tiêu thụ trong năm 2025 đạt 1.051,6 triệu Sm³.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ chủ yếu của PV GAS D là dầu Diesel, xăng, điện. Tình hình tiêu thụ năng lượng trong năm 2025 của PV GAS D, cụ thể như sau:



Stt	Tên vật tư	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025 so với 2024 (%)
1	Dầu Diesel	Nghìn lít	108,4	86,3	79,6%
2	Xăng	Nghìn lít	249,9	193,5	77,4%
3	Điện sử dụng	Kwh	713.190	649.861	91,1%

Sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của PV GAS D. Chính sách này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

PV GAS D đã ban hành và liên tục hoàn thiện các quy định liên quan, bao gồm việc xây dựng định mức tiêu thụ và chi phí sử dụng hợp lý, đồng thời đầu tư trang thiết bị hiện đại nhằm giảm thiểu tiêu hao.

Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích CBCNV đề xuất sáng kiến tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và có chế độ khen thưởng phù hợp, qua đó đóng góp tích cực vào hành trình xanh mà Công ty đang kiến tạo và hướng tới trong tương lai.

6.4. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025 so với 2024 (%)
Nước sản xuất	m ³	-	-	-
Nước sinh hoạt	m ³	22.031	15.030	68,2%

Nguồn nước đang sử dụng tại các trụ sở, chi nhánh và trạm phân phối khí của PV GAS D được các Nhà máy nước tại địa phương cung cấp và được sử dụng với mục đích sinh hoạt.

Trong năm 2025, tổng lượng nước PV GAS D sử dụng là 15.030 m³ bằng 68,2% so với năm 2024.

Công ty cũng luôn tích cực truyền thông và thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Các quy định liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được PV GAS D tuân thủ và triển khai đồng bộ nên không có vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường trong năm 2025.

- **Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không có



- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

Trên thực tế, PV GAS D đã xây dựng chính sách tuân thủ và bảo vệ môi trường với 3 nội dung chính bao gồm:

(1) Xây dựng hệ thống quản lý, quy trình;

(2) Sử dụng tiết kiệm nguồn nhiên liệu, điện, nước và có các giải pháp xử lý chất thải để không gây ô nhiễm môi trường;

(3) Tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường.

Các vấn đề liên quan đến AT-CL-MT được Công ty chú trọng thông qua hệ thống quản lý AT-CL-MT theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm kiểm soát các yếu tố rủi ro, khía cạnh môi trường có thể gây ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản và tác động tiêu cực đến môi trường.

Hệ thống này được định kỳ xem xét và liên tục cập nhật để hoàn thiện theo tiêu chuẩn quốc tế và đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Các quy trình xử lý nước thải, chất thải luôn được quản lý nghiêm ngặt. Công ty cũng định kỳ thực hiện các chương trình quan trắc môi trường không khí, môi trường nước theo quy định của pháp luật để kiểm soát và có biện pháp xử lý kịp thời.

- Chương trình quan trắc môi trường nước thải năm 2025

Tên dự án/Công trình đơn vị quản lý	Tổng số chỉ tiêu quan trắc		Tổng số các chỉ tiêu không đạt QCVN		Lý do không đạt
	2024	2025	2024	2025	
Tòa nhà Gas Tower tại Thành phố Hồ Chí Minh (thành phố Vũng Tàu cũ)	08	08	0	0	
Hệ thống cung cấp khí thấp áp cho các KCN Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Gò Dầu	06	06	0	0	
Hệ thống Phân phối khí thấp áp cho các KCN Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	06	06	0	0	
Hệ thống Phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên (tỉnh Thái Bình cũ)	04	04	0	0	



- Chương trình quan trắc môi trường nước 2025

Tên dự án/Công trình đơn vị quản lý	Tổng số chỉ tiêu quan trắc		Tổng số các chỉ tiêu không đạt QCVN		Lý do không đạt
	2024	2025	2024	2025	
Tòa nhà Gas Tower tại Thành phố Hồ Chí Minh (thành phố Vũng Tàu cũ)	16	16	0	0	
Hệ thống cung cấp khí thấp áp cho các KCN Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Gò Dầu	Không cần giám sát (ĐTM)	Không cần giám sát (ĐTM)	0	0	
Hệ thống Phân phối khí thấp áp cho 08 KCN Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với công suất 02 triệu m ³ khí chuẩn/ngày	11	11	0	0	
Hệ thống Phân phối khí thấp áp cho KCN Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên (tỉnh Thái Bình cũ)	11	11	0	0	

6.6. Báo cáo về chính sách cho người lao động

6.6.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số CBCNV PV GAS D tính đến ngày 31/12/2025: 275 người

- Thu nhập bình quân tháng của người lao động tại PV GAS D: 39 triệu đồng/tháng.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (triệu đồng/tháng)	37,9	39

6.6.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Chính sách lao động

Chính sách cho người lao động tại PV GAS D đạt được các yếu tố sau:

+ Chính sách lương thưởng được thực hiện dựa theo hiệu quả của người lao động trên cơ sở mỗi vị trí nhân sự đều được sắp xếp theo đúng năng lực, đúng chuyên môn; tạo đà duy trì hiệu suất đồng thời thúc đẩy các cá nhân nỗ lực phát triển vươn lên.



+ Chính sách lương thưởng cũng thường xuyên được đánh giá, cập nhật theo tình hình thực tế nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhân viên, góp phần thu hút và giữ chân người tài tại Công ty.

+ Đặc biệt, PV GAS D áp dụng chính sách phân bổ mức lương cao hơn mức tối thiểu tại vùng kinh doanh nhằm giúp loại bỏ sự bất bình đẳng cũng như ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương tại những nơi Công ty hoạt động, đóng góp vào việc nâng cao mức sống, giúp các địa phương phát triển bền vững.

- Chính sách phúc lợi xã hội

Bên cạnh lương thưởng, Công ty thực hiện nhiều chính sách phúc lợi cho CBCNV như: khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe chuyên sâu cho CBCNV nữ, khám bệnh nghề nghiệp, các chương trình bảo hiểm cao hơn mức quy định của Nhà nước... mang lại sự chăm sóc toàn diện cho các CBCNV tại PV GAS D.

Stt	Chương trình	Đối tượng
1	Khám sức khỏe định kỳ	100% CBCNV
2	Khám sức khỏe chuyên sâu cho nữ CBCNV	100% CBCNV
3	Khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại	100% CBCNV
4	Bảo hiểm y tế	100% CBCNV
5	Bảo hiểm xã hội	100% CBCNV
6	Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân	100% CBCNV
7	Bảo hiểm hưu trí tự nguyện	91,2% CBCNV
8	Bảo hiểm nhân thọ	96,3% CBCNV

- Chăm lo đời sống tinh thần

+ PV GAS D ban hành Thỏa ước lao động tập thể nhằm đưa ra thống nhất bằng văn bản thỏa thuận giữa tập thể lao động và người sử dụng lao động với những quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên để đảm bảo lợi ích hai bên góp phần duy trì sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và doanh nghiệp.

+ Ngoài Thỏa ước lao động tập thể, Công ty và Công đoàn còn tổ chức hội nghị người lao động định kỳ nhằm thấu hiểu nguyện vọng cũng như khó khăn của người lao động để kịp thời ghi nhận và điều chỉnh, góp phần tăng cường gắn kết giữa Công ty và người lao động.



+ PV GAS D đã tổ chức “Hội nghị người lao động năm 2025” nhằm tổng kết hoạt động năm 2025 và triển khai kế hoạch năm 2026. Đây là dịp để toàn thể Công ty lắng nghe Báo cáo tình hình thực hiện thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế trả lương, trả thưởng và an toàn, vệ sinh lao động, tình hình thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng, tình hình thực hiện quy chế dân chủ, đối thoại tại doanh nghiệp và kết quả giải quyết các kiến nghị của tập thể người lao động sau các cuộc đối thoại; báo cáo kết quả tổ chức Hội nghị Lao động của các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm nội dung đối thoại định kỳ của Công ty và tiếp thu, giải đáp các kiến nghị từ Hội nghị Người lao động của các đơn vị.

6.6.3. Hoạt động đào tạo cho người lao động

Trong năm 2025, PV GAS D triển khai thực hiện theo kế hoạch đào tạo được duyệt, kết quả đã hoàn thành tổ chức 52/52 khóa đạt tỷ lệ 100%, số lượt người tham dự 1.212/1.156 đạt 105%, với chi phí 3.125 triệu đồng/3.336 triệu đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Số lượng khóa đào tạo	Khóa	48	74	52
-	Đào tạo nội bộ	Khóa	6	4	9
-	Đào tạo bên ngoài	Khóa	42	70	43
2	Số lượt người tham dự đào tạo	Lượt người	1.256	1.491	1.212
-	Cấp độ nhân viên	Lượt người	1.154	1.407	1.132
-	Cấp độ quản lý	Lượt người	102	84	80
3	Chi phí				
-	Chi phí kế hoạch dành cho đào tạo	Triệu đồng	2.500	3.076	3.336
-	Chi phí đào tạo sử dụng thực tế	Triệu đồng	2.424	2.844	3.125
-	Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	%	97%	92,5%	93,7%

Một số khóa đào tạo đã thực hiện trong năm 2025: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức để thi, cấp chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ về đấu thầu cho CBCNV Công ty; Đào tạo quản lý sản xuất; Đánh giá viên trưởng theo ISO 9001, 14001, 45001,...



6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công tác an sinh xã hội vẫn luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được PV GAS D quan tâm thực hiện. Công ty luôn tích cực tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng, đóng góp vào công tác an sinh xã hội ở các địa phương, đặc biệt tại các địa phương nơi Công ty hoạt động, cụ thể như sau:

+ Tặng quà các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách và có công với cách mạng vào các dịp lễ, tết;

+ Trao tặng 100 thẻ bảo hiểm y tế cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại khu vực xã Nhà Bè, phường Rạch Dừa (phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Hưng Yên (thuộc tỉnh Thái Bình cũ);

+ Xây dựng và trao tặng nhà tình thương tại tỉnh Đồng Nai, thành phố Hải Phòng và phường Vũng Tàu (phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũ), Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tặng quà cho các hộ cận nghèo, khó khăn, hội viên Hội người mù nhân dịp tết Nguyên đán tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

+ Quyên góp ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng của bão lũ số 3, bão Bualoi (bão số 10) và ủng hộ “Quỹ vì phụ nữ khó khăn”.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025 /KH 2025	TH 2025 /TH 2024
1	Sản lượng	Triệu Sm ³	1.014,8	1.051,4	1.051,6	100%	103,6%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.968,7	10.550,7	11.495,4	109%	104,8%
3	LNTT	Tỷ đồng	312,9	208,6	209,8	100,6%	67,1%
4	LNST	Tỷ đồng	249,2	166,9	168,4	100,9%	67,6%
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	117,2	79,3	93,3	117,7%	79,6%

Công tác kinh doanh và phát triển thị trường

- Trong năm 2025, PV GAS D tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường khí, kết quả đạt được: thực hiện tiếp xúc, khảo sát và làm việc với hơn 100 khách hàng LNG tiềm năng, ký kết các thỏa thuận với tổng sản lượng trên 200 triệu Sm³/năm. PV GAS D hoàn thành ký kết hợp đồng LNG với 04 hộ tiêu thụ, hoàn thành ký kết hợp đồng khí thấp áp qua đường ống với 12 hộ tiêu thụ tại các KCN hiện hữu và bắt đầu cấp khí cho 06 hộ tiêu thụ mới.



- Xây dựng và áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt, kịp thời, phù hợp tình hình thị trường trên nguyên tắc hạn chế tối đa rủi ro do biến động giá, đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty và hài hoà lợi ích giữa các bên.

- Nỗ lực thực hiện các biện pháp tăng cường thu hồi công nợ bán khí.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản	Năm 2024		Năm 2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.384,9	36,8%	1.118,2	31,3%
Hàng tồn kho	48,6	1,2%	55	1,5%
Tài sản cố định	263	7%	228	6,4%
Tài sản khác	2.071,7	55%	2.173,6	60,8%
Cộng tài sản	3.768,2	100%	3.574,8	100%

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 là 2.099,3 tỷ đồng, giảm 191,4 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, trong đó chủ yếu là khoản trả cho Công ty mẹ Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần là 1.516,5 tỷ đồng, giảm 209 tỷ đồng so với đầu năm, Chi nhánh Khí Bắc Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần là 252,8 tỷ đồng, giảm 18,7 tỷ đồng so với đầu năm.

- Phải trả ngắn hạn khác 143,8 tỷ đồng chủ yếu là các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

- Các khoản phải trả khác bao gồm vay ngắn hạn, tiền thuế, lương và các khoản phải trả chưa đến hạn... tổng số 119,7 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2025, Công ty đã triển khai thực hiện tinh gọn bộ máy nhân sự nhằm nâng cao năng lực hoạt động, tính hiệu quả của Công ty, đồng thời rà soát cập nhật các quy chế, quy định nội bộ, áp dụng các chính sách mới hướng tới việc nâng cao chất lượng môi trường làm việc và đời sống của CBCNV.

- Ngoài ra, Công ty cũng đã tập trung các nguồn lực hiện có để đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nhân lực, quản lý điều hành Công ty.



4. Kế hoạch phát triển năm 2026

4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

- Kế hoạch sản lượng và tài chính

Được xây dựng trên kịch bản giá dầu Brent 70 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 26.500 VND và Công ty sẽ chủ động theo dõi biến động thị trường để điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế và trình ĐHCĐ/HĐQT Công ty phê duyệt.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
I	Sản lượng khí	Triệu Sm³	1.166,4
1	Miền Nam	Triệu Sm ³	1.001,3
2	Miền Bắc	Triệu Sm ³	155
3	LNG xe bồn	Triệu Sm ³	10,1
II	Chỉ tiêu tài chính		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12.715,7
-	Doanh thu sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	12.690,7
-	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	25
2	LNTT	Tỷ đồng	258,7
3	LNST	Tỷ đồng	206,9
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	87,4

- Kế hoạch Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	86
-	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	48,6
-	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	37,4
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	86
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	86
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0



4.2. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động: Thực hiện các đầu mục công việc ATVSLĐ với chi phí 17,9 tỷ đồng.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Với lĩnh vực kinh doanh đặc thù trong ngành Dầu khí, PV GAS D ý thức rất rõ rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường xung quanh. Do đó, công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty chú trọng, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm nỗ lực giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường. Các quy định liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được PV GAS D tuân thủ và triển khai đồng bộ nên không có vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường trong năm 2025.

- **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:** Điện sử dụng trong năm 2025 của PV GAS D là 649.861 Kwh. Công ty cũng ưu tiên đầu tư các công nghệ hiện đại góp phần tiết kiệm năng lượng điện, sử dụng năng lượng hợp lý và hiệu quả.

- **Tiêu thụ nước:** Nguồn nước đang sử dụng tại các trụ sở, chi nhánh và trạm phân phối khí của PV GAS D được các Nhà máy nước tại địa phương cung cấp và được sử dụng với mục đích sinh hoạt. Trong năm 2025, tổng lượng nước PV GAS D sử dụng là 15.030 m³.

- **Chất thải và nước thải:** PV GAS D luôn kiểm soát chặt chẽ các khâu xử lý nước thải, chất thải nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường cũng như đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các trạm, chi nhánh không gây tác động xấu đến môi trường, đa dạng sinh học tại địa bàn hoạt động.

- **Phát thải:** Với vai trò là doanh nghiệp phân phối khí đốt, PV GAS D ý thức sâu sắc về trách nhiệm trong việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Đối với PV GAS D nguồn khí methane chính là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong hoạt động kinh doanh khí của mình. Tại PV GAS D hoàn toàn không có thải bỏ khí methane, tất cả khí methane được sử dụng tối đa và ngăn ngừa rò rỉ ở mức thấp nhất.

Năm 2025, tổng nước thải sinh hoạt của Công ty là 9.764 m³, tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý 100%, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh là 1,95 tấn và chất thải thông thường là 25,04 tấn. PV GAS D ký kết hợp đồng với các công ty dịch vụ để xử lý các loại chất thải nhằm đảm bảo không thải chất nguy hại ra môi trường, và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nguồn nhân lực được xác định là một trong những tài sản quý giá nhất của Công ty, PV GAS D tiếp tục duy trì môi trường làm việc hiệu quả, gắn liền với chế độ đãi ngộ hợp lý cho người lao động.



PV GAS D đặt an toàn lao động lên hàng đầu, cam kết mang đến môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho mọi cán bộ, công nhân viên.

Người lao động được hưởng gói phúc lợi cạnh tranh, đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. PV GAS D cung cấp các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp và thăng tiến bình đẳng. Trong năm 2025, PV GAS D đào tạo 1.212/1.156 lượt người đạt 105% với chi phí 3.125 triệu đồng/3.336 triệu đồng.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công tác an sinh xã hội vẫn luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được PV GAS D quan tâm thực hiện. Công ty luôn tích cực tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng, đóng góp vào công tác an sinh xã hội ở các địa phương, đặc biệt tại các địa phương nơi Công ty hoạt động.

Năm 2025, tổng chi phí thực hiện từ thiện, an sinh xã hội của PV GAS D đạt khoảng 3,28 tỷ đồng. Công ty đã tổ chức các chương trình thiện nguyện góp phần chia sẻ khó khăn với người dân như: Tặng quà các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách và có công với cách mạng vào các dịp lễ, tết; Trao tặng 100 thẻ bảo hiểm y tế cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại khu vực xã Nhà Bè, phường Rạch Dừa (phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Hưng Yên (thuộc tỉnh Thái Bình cũ); Xây dựng và trao tặng nhà tình thương tại tỉnh Đồng Nai, thành phố Hải Phòng và phường Vũng Tàu (phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Tặng quà cho các hộ cận nghèo, khó khăn, hội viên Hội người mù nhân dịp tết Nguyên đán tại xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Quyên góp ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng của bão lũ số 3, bão Bualoi (bão số 10) và ủng hộ “Quỹ vì phụ nữ khó khăn”.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS D năm 2025 diễn ra trong bối cảnh kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, gay gắt. Các yếu tố bất ổn của kinh tế vĩ mô và căng thẳng địa chính trị đã và đang gây ra những sức ép lớn, đe dọa an ninh năng lượng toàn cầu. Tại Việt Nam, đây là giai đoạn ngành công nghiệp khí chứng kiến nhiều thay đổi lớn, các yếu tố như sự sụt giảm nguồn cung khí nội địa, xu hướng chuyển dịch năng lượng, cùng các chính sách của Chính phủ hướng tới mục tiêu giảm phát thải ròng về 0 vào năm 2050 đã tạo ra những tác động mạnh mẽ lên cấu trúc thị trường khí thiên nhiên Việt Nam.

Đứng trước những cơ hội và thách thức của tình hình chung đó, PV GAS D đã tận dụng những thế mạnh sẵn có, nắm bắt cơ hội, cùng với chiến lược thích ứng linh hoạt, chủ động tích cực trong công tác quản trị biến động, tối ưu giá trị và đã vượt qua khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu trọng yếu do Đại hội đồng cổ đông giao, đặc biệt khép lại một năm 2025 với nhiều thành tích đáng ghi nhận, cụ thể như sau:

- Về hoạt động sản xuất - kinh doanh

PV GAS D đã đẩy mạnh toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, tích cực triển khai công tác quản trị và phát triển thị trường, đồng thời hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính quan trọng của Công ty như doanh thu, hoàn thành nghĩa vụ nộp NSNN.

- Về quản trị nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp

PV GAS D không ngừng hoàn thiện mô hình quản trị và liên tục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tận dụng tốt vai trò của bộ máy lãnh đạo cũng như phát huy sức mạnh của nguồn nhân sự chất lượng cao. Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc ngày càng văn minh, hiện đại, tiếp tục nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể CBCNV cũng như đóng góp tích cực cho cộng đồng.

- Về đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Với mục tiêu nhất quán, xuyên suốt là phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, PV GAS D luôn nỗ lực gắn kết các mục tiêu bảo vệ môi trường với các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trên thực tế, PV GAS D đã xây dựng chính sách tuân thủ và bảo vệ môi trường với 3 nội dung chính bao gồm: (1) Xây dựng hệ thống quản lý, quy trình; (2) Tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tài nguyên và vận hành hệ thống quản lý chất thải đạt chuẩn để xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường; (3) Tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật về môi trường.

Đặc biệt hơn, trong năm 2025, PV GAS D triển khai chiến lược kinh doanh LNG trên phạm vi toàn quốc, đảm nhận vai trò là đơn vị tiên phong cung cấp khí thiên nhiên hóa lỏng LNG tại Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, giảm thiểu ô nhiễm môi trường phù hợp với cam kết của Chính phủ tại COP26 và xu hướng chuyển dịch năng lượng xanh toàn cầu.



Bên cạnh đó, PV GAS D cũng tiên phong thực thi trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục, hỗ trợ người nghèo, nuôi dưỡng các giá trị nhân văn, chung tay hành động vì một cuộc sống tốt đẹp và một cộng đồng phát triển bền vững hơn. Trong năm 2025, PV GAS D đã thực hiện tốt các hoạt động vì cộng đồng, đẩy mạnh phong trào an sinh xã hội, lan tỏa tinh thần “tương thân tương ái” truyền thống của dân tộc thông qua các chương trình thiện nguyện góp phần chia sẻ khó khăn với người dân tại địa bàn hoạt động của Công ty. Tính đến cuối năm, tổng kinh phí thực hiện thiện nguyện, an sinh xã hội của PV GAS D đạt khoảng 3,28 tỷ đồng. Các hoạt động cộng đồng này luôn được Ban lãnh đạo và CBCNV toàn Công ty tích cực hưởng ứng tham gia.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát đối với Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực vượt bậc cũng như những kết quả ấn tượng của Công ty và Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các mục tiêu, định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT; đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ trong bối cảnh có nhiều biến động bất lợi và phức tạp.

HĐQT thường xuyên theo dõi sát sao, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Thông qua việc thường xuyên kiểm tra công tác điều hành của Ban Giám đốc, HĐQT đã chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Kết quả, trong năm 2025 Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và lãnh đạo Công ty nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Định hướng mục tiêu chiến lược

Phát huy sức mạnh đoàn kết, tinh thần cống hiến của toàn thể CBCNV Công ty trên nền tảng những thành tựu to lớn đã đạt được trong thời gian vừa qua, PV GAS D tiếp tục kiên định với các mục tiêu, định hướng đã được xác định trong Chiến lược kinh doanh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, với tầm nhìn phát triển bền vững và đi đầu trong lĩnh vực kinh doanh, phân phối các sản phẩm khí thiên nhiên với khí thấp áp, LNG là sản phẩm chủ đạo, đảm bảo nguồn nhiên liệu sạch cung cấp đến các khu công nghiệp và đô thị tại Việt Nam.

3.2. Định hướng mục tiêu trong năm 2026

HĐQT nhận định nền kinh tế toàn cầu bước vào năm 2026 sẽ đối mặt với nhiều rủi ro và bất định. Năm 2025 là năm quyết định cho việc hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021–2025 của đất nước. Bước sang năm 2026, đây được xem là năm bản lề để triển khai các mục tiêu của giai đoạn phát triển tiếp theo, tạo nền tảng sẵn sàng tiến vào kỷ nguyên mới theo định hướng của Đảng và Nhà nước.



Trong bối cảnh chung đó, để tiếp tục thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược, HĐQT đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy Hội đồng quản trị làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành Công ty của Ban Giám đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền.

- Tổ chức các phiên họp định kỳ theo quy định hoặc họp bất thường cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp của Ban Giám đốc để cùng Ban Giám đốc kịp thời xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi hoạt động của Công ty.

- Chỉ đạo triển khai thành công các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026; chủ động phối hợp với các đơn vị trong ngành, nghiên cứu và triển khai các hoạt động cung cấp khí; triển khai các giải pháp mang tính chủ động, linh hoạt, phù hợp với tình hình chung và thực tiễn riêng của PV GAS D nhằm đảm bảo sự ổn định và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chỉ đạo tập trung phát triển thị trường, mở rộng mạng lưới phân phối, gia tăng sản lượng khai thác, đa dạng hoá đối tượng khách hàng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, tiếp tục tạo dựng cuộc sống xanh cho cộng đồng, xã hội.

- Chỉ đạo thúc đẩy hoạt động đầu tư và xây dựng, đẩy nhanh việc triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2025, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả cao.

- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi phí; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo việc quản lý, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ và an toàn.

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, tiếp tục chỉ đạo sâu sát công tác quản lý tài chính, quản trị rủi ro nhằm tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền, công tác kiểm tra, quản lý thu hồi công nợ, xây dựng phương án xử lý dứt điểm với công nợ tồn đọng của Công ty.

- Chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị trong doanh nghiệp, rà soát và từng bước số hoá, đơn giản hoá hệ thống quản lý nhằm nâng cao năng lực quản trị, tính minh bạch, công khai và hiệu quả trong quản lý, điều hành Công ty.

- Chỉ đạo thực hiện thường xuyên công tác đào tạo và phát triển chất lượng nguồn nhân lực, sắp xếp nhân sự hiệu quả, phù hợp với hoạt động của Công ty, không ngừng nâng cao năng suất lao động và thực hiện tốt công tác an sinh - xã hội.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT của Công ty có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT. Điều này cho thấy PV GAS D không những tuân theo quy định pháp luật về Quản trị Công ty mà còn nỗ lực tiến tới các thông lệ tốt về quản trị, trong đó đảm bảo sự tham gia của các thành viên độc lập và chuyên trách, giúp cung cấp các ý kiến tham mưu đa chiều, hạn chế xung đột lợi ích.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh
1	Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
3	Bà Nguyễn Thục Quyên	Thành viên HĐQT
4	Ông Yosuke Fujii	Thành viên HĐQT
5	Bà Trần Thị Hạnh Thục	Thành viên độc lập HĐQT

(Thông tin chi tiết về các thành viên HĐQT tại mục I.3)

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

1.3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2025

- HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty để lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; triển khai hiệu quả Chiến lược kinh doanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 Công ty đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng được thực hiện nghiêm túc.

- HĐQT đã định hướng Ban Điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản trị điều hành, thích ứng và điều chỉnh linh hoạt các hoạt động của Công ty.

- Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh và phát triển nguồn nhân lực theo hướng bền vững, chất lượng và hiệu quả.

1.4. Các cuộc họp HĐQT trong năm 2025

- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 45 cuộc họp HĐQT (bao gồm 15 cuộc họp và 30 lần lấy ý kiến HĐQT) có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách là giám sát viên:



Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Minh Hải	45/45	100%	-
2	Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	42/45	93%	Không tham dự theo quy định
3	Bà Nguyễn Thục Quyên	45/45	100%	-
4	Bà Trần Thị Hạnh Thục	44/45	98%	Đi công tác
5	Ông Yosuke Fujii	45/45	100%	-

- HĐQT đã ban hành 60 Nghị quyết và Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT để quản lý, điều hành, giám sát và chỉ đạo mọi mặt hoạt động của Công ty, trong đó có 27 Nghị quyết có liên quan đến các vấn đề phải công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT/2025	21/01/2025	Thông qua nội dung báo cáo quản trị năm 2024 của PV GAS D	100%
2	06/NQ-HĐQT/2025	21/02/2025	Bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc PV GAS D	100%
3	08/NQ-HĐQT/2025	25/02/2025	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của PV GAS D	100%
4	10/NQ-HĐQT/2025	12/03/2025	Thông qua nội dung Báo cáo thường niên năm 2024	100%
5	11/NQ-HĐQT/2025	24/03/2025	Phê duyệt Logo thương hiệu (biểu trưng) của PV GAS D	100%
6	12/NQ-HĐQT/2025	25/03/2025	Thông qua nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của PV GAS D	100%
7	16/NQ-HĐQT/2025	11/04/2025	Chấp thuận Kế hoạch năm 2025 của PV GAS D	100%
8	17/NQ-HĐQT/2025	11/04/2025	Thông qua cập nhật tài liệu cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2025 của PV GAS D	100%
9	19/NQ-HĐQT/2025	04/06/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS	100%
10	23/NQ-HĐQT/2025	04/07/2025	Thông qua lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính	100%



			năm 2025 của PV GAS D.	
11	24/NQ-HĐQT/2025	09/07/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS	100%
12	27/NQ-HĐQT/2025	21/07/2025	Thông qua nội dung báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty	100%
13	28/NQ-HĐQT/2025	21/07/2025	Chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt	100%
14	30/NQ-HĐQT/2025	30/07/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS CNG	100%
15	32/NQ-HĐQT/2025	14/08/2025	Phê duyệt phương án kinh doanh LPG năm 2025 và ký kết Hợp đồng mua bán LPG	100%
16	33/NQ-HĐQT/2025	14/08/2025	Phê duyệt ký kết Hợp đồng cung cấp thiết bị/phụ tùng sản xuất ống thép cho PV PIPE	100%
17	35/NQ-HĐQT/2025	19/08/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với Gas South	100%
18	37/NQ-HĐQT/2025	14/10/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS	100%
19	38/NQ-HĐQT/2025	14/10/2025	Phê duyệt Logo thương hiệu (biểu trưng) của Công ty	100%
20	40/NQ-HĐQT/2025	30/10/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D và PV GAS CNG, Gas South	100%
21	44/NQ-HĐQT/2025	26/11/2025	Thôi giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty (Ông Nguyễn Nhật Quốc Toàn)	100%
22	45/NQ-HĐQT/2025	26/11/2025	Thôi giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty (Ông Nguyễn Tuấn Cường)	100%
23	46/NQ-HĐQT/2025	26/11/2025	Phê duyệt ký kết Hợp đồng thuê cao ốc văn phòng PV GAS Tower	100%
24	47/NQ-HĐQT/2025	26/11/2025	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	100%



25	49/NQ-HĐQT/2025	10/12/2025	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch năm 2025 của Công ty	100%
26	50/NQ-HĐQT/2025	25/12/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS	100%
27	51/NQ-HĐQT/2025	30/12/2025	Phê duyệt ký kết gia hạn các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D và PV GAS CNG, Gas South	100%

1.5. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Trong năm 2025, Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; Tham gia các cuộc họp HĐQT, có ý kiến và biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Điều hành theo phân công công việc của HĐQT.

Thành viên độc lập HĐQT đánh giá HĐQT Công ty đã tổ chức và hoạt động tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế hoạt động của Công ty, kịp thời đưa ra các định hướng chiến lược và chỉ đạo điều hành, đặc biệt là trong giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát

BKS của PV GAS D gồm 03 thành viên có chuyên môn sâu rộng và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán. Đây là tiền đề giúp BKS hoạt động hiệu quả, phát huy chức năng giám sát độc lập, đảm bảo Công ty hoạt động minh bạch, hiệu quả, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và các bên liên quan.

Stt	Thành viên BKS	Chức danh
1	Ông Nguyễn Tiến Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Trần Huỳnh Thanh Tú	Kiểm soát viên
3	Ông Phạm Tuấn Anh	Kiểm soát viên

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nội dung giám sát theo kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt; phối hợp với HĐQT và Ban Giám đốc bám sát quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT Công ty.

Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế được ban hành, Ban Kiểm soát cũng đã tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Quy chế Quản trị của Công ty, góp phần hạn chế rủi ro trong hoạt động của Công ty.



2.3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp đồng thời thường xuyên trao đổi nội bộ để thống nhất nội dung các báo cáo giám sát. Các thành viên Ban Kiểm soát đều tích cực tham gia đầy đủ các cuộc họp Ban Kiểm soát.

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Tiến Hải	Trưởng BKS	Được bầu từ ngày 21/10/2024	04/04	100%
2	Ông Phạm Tuấn Anh	Kiểm soát viên	Được bầu từ ngày 26/4/2022	04/04	100%
3	Ông Trần Huỳnh Thanh Tú	Kiểm soát viên	Được bầu từ ngày 21/10/2024	04/04	100%

Các cuộc họp cụ thể như sau:

Stt	Ngày họp	Nội dung
1	15/01/2025	Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2025; Thẩm định báo cáo tài chính quý IV năm 2024.
2	16/04/2025	Thẩm định Báo cáo tài chính quý I năm 2025
3	15/07/2025	Thẩm định Báo cáo tài chính quý II năm 2025
4	15/10/2025	Thẩm định Báo cáo tài chính quý III năm 2025

2.4. Nội dung hoạt động

2.4.1. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2025, PV GAS D đã tận dụng tốt những cơ hội, tiềm năng của thị trường trong và ngoài nước, vượt qua thách thức và đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh đáng khích lệ.

2.4.2. Giám sát hoạt động của HĐQT

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT Công ty, cụ thể:

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp cũng như Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.



- Các Nghị quyết HĐQT được đưa ra dựa trên quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình SXKD thực tế của Công ty.

- HĐQT đã tiến hành triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hợp lý và nhanh chóng. HĐQT đã dựa theo điều kiện thực tế để đưa ra định hướng hoạt động kinh doanh phù hợp. Điều này đã góp phần thành công cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Thông qua các cuộc họp định kỳ cũng như trao đổi thường xuyên giữa Ban Điều hành và Ban lãnh đạo đã giúp HĐQT theo sát tình hình của Công ty và đưa ra những chỉ đạo kịp thời và định hướng phát triển trong tương lai.

2.4.3. Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS D trong năm 2025, cụ thể:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định theo đúng yêu cầu của HĐQT.

- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và BGD, chủ động khắc phục khó khăn thông qua các biện pháp điều hành sát sao nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hàng tồn kho, tài sản không cần dùng đến nhằm giảm thiểu rủi ro, cân đối nguồn vốn, dòng tiền phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các đơn vị và phối hợp với Đoàn kiểm tra của Công ty tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị.

- Sắp xếp nhân sự hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãnh đạo Công ty đã thực hiện đầy đủ và kịp thời lương, thưởng, cũng như các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy chế được phê duyệt và quy định của pháp luật.

- Triển khai có hiệu quả các giải pháp thị trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí... có hiệu quả và giúp Công ty vượt chỉ tiêu kế hoạch tài chính đã được giao phó.

2.4.4. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGD và Cán bộ quản lý khác

Giữa BKS và HĐQT, BGD Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ. BKS đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, BGD và các cấp quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, như các yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu.

- BKS luôn được tạo điều kiện tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và BGD nếu có yêu cầu.



- BKS tích cực phối hợp cùng HĐQT và BGD để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên thành công.

- Các báo cáo tổng kết, đánh giá của BKS luôn được gửi đến HĐQT và BGD để xem xét.

- Các đề xuất của BKS luôn được HĐQT, BGD tiếp nhận, xem xét và đề ra các giải pháp thực hiện, nhằm không ngừng hoàn thiện cơ chế quản trị và điều hành.

2.4.5. Hoạt động khác của BKS

Phối hợp cùng HĐQT và Ban Điều hành trong công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

2.4.6. Kết quả thẩm định BCTC

- Báo cáo tài chính quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm được chuẩn bị một cách khoa học, chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật.

- BCTC của PV GAS D được Deloitte Việt Nam đánh giá là phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Các hoạt động của PV GAS D rõ ràng, minh bạch theo các chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

- BKS đã triển khai thẩm định và thống nhất với báo cáo của Ban Điều hành và ý kiến đánh giá của Deloitte Việt Nam về kết quả báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025.

2.5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2026

BKS tiếp tục tiến hành giám sát hoạt động của HĐQT, BGD và các phòng ban, đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật, các yêu cầu nội bộ. Trong nhiệm vụ và phạm vi quyền hạn được giao, BKS sẽ tập trung vào các công tác trọng điểm sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty.

- Theo dõi tình hình triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Kết hợp với HĐQT, BGD kiểm tra chặt chẽ tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Theo dõi quá trình lên kế hoạch, triển khai các dự án, đảm bảo quá trình sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

- Nắm bắt các cơ chế, chính sách ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tư vấn các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản, xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.



3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

Công ty thực hiện các chế độ về tiền lương, thù lao của HĐQT, BGD và BKS theo đúng quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHCĐ của Công ty và quy chế tiền lương, tiền thưởng của người quản lý Công ty.

Stt	Chức danh	Tổng thu nhập (đồng)
1	Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty	4.313.163.734
2	Ban Kiểm soát Công ty	1.599.240.162
3	Các Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty	4.192.571.987
	Tổng cộng:	10.104.975.883

3.2. Giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị ban hành 11 Nghị quyết liên quan đến giao dịch với người có liên quan của Công ty bao gồm Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP, Công ty cổ phần CNG Việt Nam, Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam, Công ty cổ phần Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV PIPE), Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế và Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (LPG). Các Nghị quyết đã được PV GAS D công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	19/NQ-HĐQT/2025	04/06/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS (Sửa đổi giá khí năm 2025)
2	24/NQ-HĐQT/2025	09/07/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS (Sửa đổi giao nhận khí, hóa đơn, thanh toán)
3	30/NQ-HĐQT/2025	30/07/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS CNG (Sửa đổi giá khí năm 2025, giao nhận khí, hóa đơn, thanh toán)



Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
4	32/NQ-HĐQT/2025	14/08/2025	Phê duyệt phương án kinh doanh LPG năm 2025 và ký kết Hợp đồng mua bán LPG
5	33/NQ-HĐQT/2025	14/08/2025	Phê duyệt ký kết Hợp đồng cung cấp thiết bị/phụ tùng sản xuất ống thép cho PV PIPE
6	35/NQ-HĐQT/2025	19/08/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với Gas South (Sửa đổi giá khí năm 2025, giao nhận khí, hóa đơn, thanh toán)
7	37/NQ-HĐQT/2025	14/10/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS (Sửa đổi giá khí 4 tháng cuối năm)
8	40/NQ-HĐQT/2025	30/10/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D và PV GAS CNG, Gas South (Sửa đổi giá khí 4 tháng cuối năm)
9	46/NQ-HĐQT/2025	26/11/2025	Phê duyệt ký kết Hợp đồng thuê cao ốc văn phòng PV GAS Tower
10	50/NQ-HĐQT/2025	25/12/2025	Phê duyệt ký kết Sửa đổi bổ sung của Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D với PV GAS (Gia hạn hợp đồng)
11	51/NQ-HĐQT/2025	30/12/2025	Phê duyệt ký kết gia hạn các Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS D và PV GAS CNG, Gas South

3.3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát:
Không có

3.4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

- Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có



- Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không có

- Giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành: Không có

3.5. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết: Không có

4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

PV GAS D đã áp dụng Quy chế Quản trị Công ty mới và liên tục cập nhật bổ sung cho phù hợp, với nhiều thay đổi nhằm tuân thủ với các quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt. Công ty tiếp tục hoàn thiện Quy chế Quản trị Công ty để phù hợp với Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như các thông lệ tốt nhất, nhằm tăng cường tính minh bạch trách nhiệm giải trình, bảo vệ tốt nhất quyền lợi của các bên liên quan. Cụ thể, PV GAS D đã đưa ra những nguyên tắc quản trị của Công ty bao gồm:

- (1) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật;
- (2) Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả;
- (3) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- (4) Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- (5) Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- (6) HĐQT định hướng và giám sát, BKS kiểm soát Công ty hiệu quả.

4.1. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật

- PV GAS D luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về QTCT tại Luật Doanh nghiệp, các quy định cụ thể hướng dẫn về QTCT tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Nghị định 245/2025/NĐ-CP. Dựa trên cơ sở tuân thủ pháp luật Việt Nam và vận dụng các thông lệ quốc tế trong khu vực về quản trị doanh nghiệp, PV GAS D đã và đang không ngừng hoàn thiện Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về QTCT.

- Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dầu khí, PV GAS D luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật dầu khí, các quy định an toàn trong sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường...

- Ngoài ra, là Công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán, PV GAS D không những phải tuân thủ Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật về thuế... mà còn bị chi phối bởi Luật Chứng khoán và các điều luật liên quan.



4.2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả

- Ngoài việc đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về QTCT, PV GAS D luôn nỗ lực để tiếp cận các thông lệ tốt nhất trong khu vực và thế giới.

- Cơ cấu HĐQT của Công ty đảm bảo hài hòa giữa kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và sự đa dạng để các vấn đề được thảo luận một cách toàn diện, sâu sắc, nhằm tìm ra giải pháp hiệu quả nhất.

4.3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Đối xử công bằng giữa các cổ đông

- Công tác quan hệ cổ đông/nhà đầu tư tiếp tục là một trong những nhiệm vụ được Công ty chú trọng. Công ty luôn tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trên TTCK, cung cấp đầy đủ, chính xác và nhanh chóng nhất các thông tin về công tác quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả kinh doanh nhằm giúp nhà đầu tư và cổ đông có được nguồn tin đầy đủ và đáng tin cậy nhất. Đồng thời, xây dựng hình ảnh Công ty minh bạch, hiệu quả, nâng cao uy tín HĐQT và Ban lãnh đạo.

- Quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty: (1) Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. (2) Cổ đông có quyền tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc bỏ phiếu từ xa. (3) PV GAS D sử dụng hình thức biểu quyết theo số phiếu biểu quyết của cổ đông đối với mọi Nghị quyết.

- Quy định về việc các thành viên HĐQT, BKS, BGD và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- Quy định rõ về trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Công ty không cấp các khoản vay, bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan đến thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.

4.4. Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

- Mục tiêu phát triển bền vững, gắn kết trách nhiệm với cổ đông, với người lao động và với cộng đồng xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng của PV GAS D.

- Hệ thống quản lý AT-CL-MT tích hợp theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 45001, ISO 9001 và ISO 14001. Hệ thống này được xây dựng dựa trên mô hình Plan-Do-Check-Act với mục đích thỏa mãn yêu cầu khách hàng cùng với việc tuân thủ các yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường.

- PV GAS D đã thể hiện trách nhiệm cộng đồng - xã hội thông qua các chương trình thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục, hỗ trợ người nghèo, nuôi dưỡng các giá trị nhân văn, chung tay hành động vì một cuộc sống tốt đẹp và một cộng đồng phát triển bền vững hơn.



- Chính sách và hoạt động đảm bảo phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững được trình bày tại Báo cáo Phát triển Bền vững tích hợp trong báo cáo thường niên của Công ty.

4.5. Minh bạch trong hoạt động của Công ty

- Các quy định về công bố thông tin tại Thông tư 96/2020/TT-BTC đã và đang được PV GAS D thực hiện nghiêm túc. Các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như các thông tin bất thường đều được PV GAS D công bố theo đúng thời hạn quy định tại trang web Công ty, HOSE và Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhằm đảm bảo tính minh bạch và lợi ích của tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

- Điều lệ và Quy chế nội bộ về QTCT được đăng tải trên trang web của PV GAS D bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để nâng cao khả năng tiếp cận tài liệu QTCT của các cổ đông và nhà đầu tư trong nước lẫn quốc tế.

- BCTN của Công ty đã công bố đầy đủ mục tiêu, định hướng chiến lược của Công ty, chỉ số hiệu quả tài chính, chỉ số hiệu quả phi tài chính, chính sách cổ tức, tổng thu nhập, thù lao của mỗi thành viên HĐQT và BGD.

- Trang web Công ty là nơi công bố thông tin nhanh chóng và minh bạch như BCTC, BCTN, Biên bản họp ĐHCĐ, Điều lệ Công ty, các tin tức liên quan...

4.6. HĐQT định hướng và giám sát, BKS kiểm soát Công ty hiệu quả

- Quy chế QTCT, Điều lệ hoạt động của HĐQT và vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định và công bố rõ ràng tại mục Quan hệ cổ đông trên website Công ty. Tầm nhìn, sứ mệnh cũng được đăng tải tại website Công ty và được trình bày trong BCTN.

- Chủ tịch HĐQT và Giám đốc là 2 người khác nhau, Chủ tịch HĐQT là thành viên không điều hành, để đảm bảo sự độc lập và hiệu quả trong giám sát và định hướng. Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty.

- Vai trò của BKS cũng được quy định cụ thể tại Điều lệ công ty. BKS bao gồm 3 thành viên có kinh nghiệm dày dặn về kiểm toán - kế toán, thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý, kiểm tra sự tuân thủ, đảm bảo chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ...

5. Đánh giá quá trình thực hiện tốt các thông lệ quốc tế về quản trị công ty

Tháng 08/2019, UBCKNN phối hợp cùng IFC - Ngân hàng Thế giới phát hành Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất áp dụng cho các công ty đại chúng ở Việt Nam, với 10 nguyên tắc quan trọng nhất để đánh giá hệ thống QTCT, bao gồm:

- (1) Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT;
- (2) Thiết lập HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp;
- (3) Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT;



- (4) Thành lập các Ủy ban thuộc HĐQT;
- (5) Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT;
- (6) Thiết lập và duy trì văn hoá đạo đức công ty;
- (7) Thiết lập Khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh;
- (8) Tăng cường hoạt động CBTT của công ty;
- (9) Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông;
- (10) Tăng cường tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan.

5.1. Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT

Hoạt động của HĐQT PV GAS D luôn đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời các quyền hạn và trách nhiệm được quy định rõ ràng và nhất quán trong các văn bản của Công ty như Điều lệ, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT. Mọi hoạt động của HĐQT đều được thực hiện một cách minh bạch, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, quan tâm đến các bên liên quan. Hoạt động đào tạo luôn được HĐQT chú trọng để vừa tạo ra một đội ngũ có đủ phẩm chất, năng lực vừa đảm bảo lực lượng kế thừa, giúp Công ty phát triển bền vững.

5.2. Thiết lập HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp

Hiện tại, HĐQT của PV GAS D có 01 thành viên độc lập trong tổng số 05 thành viên, bao gồm 02 thành viên là Nữ. Các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực dầu khí, quản trị điều hành doanh nghiệp, tài chính, kinh doanh. Sự đa dạng của thành phần, kiến thức và kinh nghiệm giúp HĐQT có quan điểm đa dạng, giúp có thể thảo luận và đưa ra các quyết định hiệu quả. Công ty có Người phụ trách QTCT nhằm theo dõi, cập nhật và đánh giá hiệu quả công tác QTCT cũng như đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực này.

5.3. Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT

Quy chế nội bộ QTCT và Điều lệ Công ty đã quy định rõ về quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo một cách hiệu quả nhất. Thực tế cho thấy HĐQT đã phối hợp hỗ trợ Ban Điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan. HĐQT hiện có 01 thành viên độc lập có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - đầu tư, là tiếng nói tham mưu quan trọng trong các quyết định.

5.4. Thành lập các Ủy ban thuộc HĐQT

Với hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức hiện tại, PV GAS D nhận thấy chưa có nhu cầu thành lập các Tiểu ban trực thuộc HĐQT. HĐQT sẽ trực tiếp thảo luận các vấn đề phát sinh và có thể tổ chức riêng thành từng chuyên đề khi cần thiết. Đối với hoạt động quản trị rủi ro, HĐQT tổ chức phân theo chức năng các đơn vị nghiệp vụ trực tiếp, với sự giám sát và lãnh đạo của Ban Điều hành và HĐQT.



5.5. Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT

Hàng năm, HĐQT đều đánh giá hoạt động của mình dựa trên các thông lệ tốt nhất và đặc biệt là mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ phê duyệt. Mức chi trả thù lao của các thành viên được căn cứ một cách khách quan, khoa học, minh bạch dựa trên năng lực, hiệu quả đóng góp vào công việc chung.

5.6. Thiết lập và duy trì văn hoá đạo đức Công ty

Công ty đã ban hành các văn bản lập quy nhằm xây dựng một môi trường làm việc trung thực, chuyên nghiệp, đặt mục tiêu chung lên hàng đầu. Có thể kể đến là các văn bản lập quy như: Bộ quy tắc ứng xử, Quy trình bán khí thiên nhiên và Đo lường sự thỏa mãn của khách hàng, Đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, hàng năm... hay cơ chế phản hồi thông qua Hội nghị người lao động. HĐQT là đầu mối, chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của Công ty, việc mang lại giá trị bền vững cho các bên liên quan, HĐQT luôn hoạt động một cách chuyên nghiệp, hiệu quả là tấm gương cho Ban Điều hành, nhân viên.

5.7. Thiết lập khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh

Bộ phận Kiểm toán nội bộ của PV GAS D hoạt động dưới sự giám sát chặt chẽ của HĐQT. Bộ phận Kiểm toán với kế hoạch và phân công công việc định kỳ hàng quý, đã thực hiện việc soát xét báo cáo và tình hình tài chính, hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống gian lận, và hoạt động của Kiểm toán nội bộ. Đối với công tác quản lý rủi ro, danh mục rủi ro, đặc biệt là các rủi ro chiến lược, cùng cơ chế đánh giá đã được soát xét và cải tiến nhằm nâng cao thực hành quản trị và điều hành doanh nghiệp.

5.8. Tăng cường hoạt động CBTT của Công ty

Hệ thống các văn bản lập quy trong lĩnh vực CBTT luôn được Công ty chú trọng, chẳng hạn như Quy chế nội bộ về QTCT: CBTT - Minh bạch và bảo mật thông tin; Điều lệ: BCTN, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng; Quy chế CBTT của Công ty.

5.9. Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông

HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin cho các cổ đông theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán. Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu, HĐQT luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Thường xuyên cập nhật website của Công ty, đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty trên website một cách kịp thời, đầy đủ.

PV GAS D luôn đẩy mạnh công bố các thông tin liên quan đến phát triển bền vững để đáp ứng nhu cầu các bên liên quan. Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông và người lao động.



5.10. Tăng cường tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan

Như đề cập trong Báo cáo Phát triển Bền vững, PV GAS D thực hiện gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh đối thoại hiệu quả, qua đó có thể thực hiện các hành động để đáp ứng các mối quan tâm và kỳ vọng của họ.

Ngoài ra, HĐQT thực hiện giám sát thông qua hệ thống các quy chế, quy định như: Quy chế quản lý công nợ, Quy trình bán khí thiên nhiên và Đo lường sự thỏa mãn của khách hàng, Quy chế thi đua khen thưởng...

6. Quản trị rủi ro

Hoạt động trong lĩnh vực cung cấp khí thiên nhiên trong bối cảnh thị trường dầu khí quốc tế luôn tiềm ẩn nhiều biến động khó lường, PV GAS D ý thức rất rõ về những rủi ro doanh nghiệp phải đối mặt cũng như chủ động quản lý các ảnh hưởng của rủi ro, góp phần mang lại thành công và sự phát triển bền vững cho Công ty.

Với phương châm: Quản trị biến động, “bổ sung động lực mới, làm mới động lực cũ” - song hành cùng rủi ro là những cơ hội/ tiềm năng nhất định. Do vậy, quản trị rủi ro không chỉ bao gồm giảm thiểu rủi ro mà đó là còn quá trình nhìn nhận, phân tích đầy đủ rủi ro, tối ưu hoá tương quan giữa rủi ro và cơ hội, chấp nhận rủi ro trong phạm vi cho phép của Công ty để từ đó có những giải pháp thích hợp giúp quản trị Công ty và hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh.

Quy trình quản trị rủi ro

PV GAS D đã xây dựng Quy trình quản trị rủi ro với các nguyên tắc chặt chẽ về phòng ngừa, phát hiện và khắc phục những tác động của rủi ro trong các hoạt động của Công ty. Các nguyên tắc này được duy trì và hoàn thiện qua từng năm nhằm đảm bảo kiểm soát, quản lý và giám sát hiệu quả danh mục rủi ro của Công ty, đồng thời đạt được mục tiêu do HĐQT và ĐHĐCĐ đề ra.

Quy trình quản trị rủi ro của PV GAS D chia ra làm 3 giai đoạn với 7 bước tương ứng như sau:

Giai đoạn 1 Đánh giá ban đầu	Giai đoạn 2 Định lượng/ Phân tích	Giai đoạn 3 Đối phó/ Giám sát
- Bước 1: Đánh giá chung về môi trường, điều kiện kinh doanh và hoạt động của Công ty - Bước 2: Nhận diện các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty	- Bước 3: Tiến hành định lượng và ước tính tác động của từng rủi ro - Bước 4: Đưa ra phương pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động cho từng rủi ro - Bước 5: Đánh giá chi phí và lợi ích mang lại của từng phương pháp để lựa chọn phương án quản trị phù hợp	- Bước 6: Tiến hành quản trị rủi ro, định kỳ đánh giá hiệu quả và cải thiện quy trình - Bước 7: Định kỳ báo cáo lên Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan về hoạt động quản trị rủi ro

Bên cạnh quy trình chung, đối với từng rủi ro cụ thể PV GAS D cũng đặt ra các tiêu chuẩn nhận diện, phân tích, đánh giá nhằm đưa ra các chiến lược quản trị rủi ro theo hai hướng: (1) là phòng ngừa rủi ro để hạn chế những biến động bất lợi và (2) là chấp nhận rủi ro ở mức hợp lý để tối đa hoá lợi ích của Công ty.



Quy trình chấp nhận và phòng ngừa rủi ro bao gồm 4 bước cơ bản:

1. Định nghĩa rủi ro và mức độ chấp nhận	2. Đánh giá tác động từ rủi ro	3. Quyết định chấp nhận hay phòng ngừa rủi ro	4. Giám sát và xem xét lại
<ul style="list-style-type: none">- Xác định loại rủi ro cụ thể được đánh giá- Xác định mức độ rủi ro có thể chấp nhận	<ul style="list-style-type: none">- Xem xét các tác động tích cực và tiêu cực của rủi ro- Định lượng các tác động này	<ul style="list-style-type: none">- Cân nhắc lợi ích và chi phí giữa việc chấp nhận hay phòng ngừa rủi ro để đưa ra quyết định	<ul style="list-style-type: none">- Theo dõi và giám sát ảnh hưởng của rủi ro đến hoạt động kinh doanh- Định kỳ đánh giá lại quy trình

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: *Xin xem tài liệu đính kèm.*

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**

Đỗ Phạm Hồng Minh





**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV GAS Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV GAS Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thục Quyên	Thành viên
Ông Yosuke Fujii	Thành viên
Bà Trần Thị Hạnh Thục	Thành viên độc lập

Ban Giám Đốc

Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Quốc Toàn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025)
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 02 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Hải	Trưởng Ban
Bà Châu Thị Khánh Đoan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026)
Ông Phạm Quang Sâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026)
Ông Trần Huỳnh Thanh Tú	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026)
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2026)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV GAS Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Phạm Hồng Minh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026



Số: 0515 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập Ngày 28 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh của Báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 14 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2023-001-1

Đào Ngọc Duy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5969-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV GAS Tower,
số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.203.207.292.329	3.378.374.535.481
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.118.212.744.802	1.384.904.766.353
1. Tiền	111		55.212.744.802	194.904.766.353
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.063.000.000.000	1.190.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	847.992.074.268	717.765.249.404
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		847.992.074.268	717.765.249.404
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.165.915.829.221	1.204.263.842.352
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	571.703.065.095	634.887.089.793
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	31.199.671.861	2.249.098.972
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	603.131.215.582	593.921.201.697
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(40.118.123.317)	(26.793.548.110)
IV. Hàng tồn kho	140	11	55.028.643.063	48.627.970.674
1. Hàng tồn kho	141		55.028.643.063	48.627.970.674
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.058.000.975	22.812.706.698
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.365.745.770	3.821.478.785
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.631.614.858	16.356.734.245
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	60.640.347	2.634.493.668
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		371.583.598.859	389.852.060.730
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.711.785.125	3.445.385.125
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	17.711.785.125	3.445.385.125
II. Tài sản cố định	220		227.976.406.563	262.987.060.581
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	181.806.689.220	215.135.758.025
- Nguyên giá	222		1.111.290.233.332	1.097.190.416.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(929.483.544.112)	(882.054.658.822)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	46.169.717.343	47.851.302.556
- Nguyên giá	228		63.211.663.876	63.211.663.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.041.946.533)	(15.360.361.320)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.222.246.117	1.906.111.518
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.222.246.117	1.906.111.518
IV. Tài sản dài hạn khác	260		119.673.161.054	121.513.503.506
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	119.673.161.054	121.513.503.506
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.574.790.891.188	3.768.226.596.211

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV GAS Tower,
số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.099.305.966.737	2.290.693.160.056
I. Nợ ngắn hạn	310		2.099.217.966.737	2.290.605.160.056
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.011.761.246.037	2.012.337.054.845
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	52.933.603.972	97.157.044.992
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	9.371.957.644	12.361.172.897
4. Phải trả người lao động	314		25.457.835.610	15.805.152.850
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	823.926.981.248	13.211.967.279
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	143.795.826.362	138.205.269.217
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	30.476.988.514	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.493.527.350	1.527.497.976
II. Nợ dài hạn	330		88.000.000	88.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		88.000.000	88.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.475.484.924.451	1.477.533.436.155
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.475.484.924.451	1.477.533.436.155
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		989.982.660.000	989.982.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		989.982.660.000	989.982.660.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.050.000	153.050.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(9.550.000)	(9.550.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		255.206.874.258	180.456.359.746
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		230.151.890.193	306.950.916.409
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		73.800.612.226	72.834.154.739
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		156.351.277.967	234.116.761.670
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.574.790.891.188	3.768.226.596.211


Huỳnh Minh Hùng
Người lập biểu


Đặng Quốc Vương
Kế toán trưởng


Đỗ Phạm Hồng Minh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV GAS Tower,
số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	11.452.602.860.153	10.937.645.849.520
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		11.452.602.860.153	10.937.645.849.520
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	10.784.806.084.069	10.169.523.454.592
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		667.796.776.084	768.122.394.928
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	42.836.563.966	31.054.795.044
6. Chi phí tài chính	22		1.694.749.580	3.237.679.620
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		462.545.060	-
7. Chi phí bán hàng	25	27	407.690.612.184	385.534.237.953
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	91.270.487.393	96.010.706.132
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		209.977.490.893	314.394.566.267
10. Thu nhập khác	31		5.152.593	19.413.055
11. Chi phí khác	32		162.855.580	1.502.883.771
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(157.702.987)	(1.483.470.716)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		209.819.787.906	312.911.095.551
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	41.468.509.939	63.742.713.846
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		168.351.277.967	249.168.381.705
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.579	2.265



Huỳnh Minh Hùng
Người lập biểu



Đặng Quốc Vương
Kế toán trưởng



Đỗ Phạm Hồng Minh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV GAS Tower,
số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	209.819.787.906	312.911.095.551
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	49.110.470.503	55.471.302.246
Các khoản dự phòng	03	13.324.575.207	10.626.642.883
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(41.698.108.948)	(29.709.281.530)
Chi phí lãi vay	06	462.545.060	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	231.019.269.728	349.299.759.150
Giảm các khoản phải thu	09	22.638.983.207	41.929.692.577
(Tăng) hàng tồn kho	10	(6.400.672.389)	(1.913.474.273)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(240.783.658.176)	334.120.830.054
Giảm chi phí trả trước	12	2.296.075.467	4.318.105.782
Tiền lãi vay đã trả	14	(452.942.986)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.950.877.044)	(81.439.265.133)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.937.793.797)	(24.113.746.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(47.571.615.990)	622.201.901.481
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.989.739.084)	(28.925.022.628)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.030.226.824.864)	(860.266.592.391)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	900.000.000.000	630.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.115.136.373	35.217.866.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(101.101.427.575)	(223.973.748.588)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	30.476.988.514	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(148.495.966.500)	(148.495.966.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(118.018.977.986)	(148.495.966.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(266.692.021.551)	249.732.186.393
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.384.904.766.353	1.135.172.579.960
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.118.212.744.802	1.384.904.766.353


Huỳnh Minh Hùng
Người lập biểu


Đặng Quốc Vương
Kế toán trưởng


Đỗ Phạm Hồng Minh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV GAS Tower,
số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 số 0304998686 ngày 08 tháng 10 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 989.982.660.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “PGD”.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần nắm giữ 50,5% vốn điều lệ. Công ty mẹ tối cao là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 284 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 283 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống;
- Mua bán khí công nghiệp (không mua bán tại trụ sở), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí;
- Tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí;
- Mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, LNG, CNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và vận chuyển khí thiên nhiên.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 03 chi nhánh hạch toán phụ thuộc, bao gồm:

Tên chi nhánh	Địa điểm hoạt động
Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu	Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc	Tỉnh Hưng Yên

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp,
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất, thuê mặt bằng trả trước, chi phí bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng trả trước phản ánh số tiền thuê đất đã được trả trước và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Ban Giám đốc phê duyệt tùy theo phân cấp thẩm quyền.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	3 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định hữu hình là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 năm đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo các nghị quyết phân phối lợi nhuận hàng năm được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ và thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.



Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều bên trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, các công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân nắm giữ vị trí quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát), những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc bên liên kết này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	427.379.494	141.196.634
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.785.365.308	118.913.569.719
Tiền đang chuyển	-	75.850.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	1.063.000.000.000	1.190.000.000.000
	1.118.212.744.802	1.384.904.766.353

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 0,5%/năm đến 4,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 0,2%/năm đến 3,8%/năm).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 6,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,9%/năm đến 5,0%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bình Phú ("Ngân hàng") với số tiền 60.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND) là tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay ngắn hạn giữa Công ty và Ngân hàng.



7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng không phải là bên liên quan chủ yếu	381.220.292.928	258.400.252.695
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Năng lượng Việt Nam	75.879.111.305	36.185.791.694
Công ty TNHH Công nghiệp Kính NSG Việt Nam	68.087.121.034	73.550.154.806
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam	34.825.406.111	16.313.009.871
Các khách hàng khác	202.428.654.478	132.351.296.324
b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	190.482.772.167	376.486.837.098
	<u>571.703.065.095</u>	<u>634.887.089.793</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Shaan Xi Bsbsucceed Import And Export Co., Ltd.	30.476.988.514	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Bảo dưỡng Công trình Dầu Khí Xuân Sơn	-	2.166.885.022
Các đối tượng khác	722.683.347	82.213.950
	<u>31.199.671.861</u>	<u>2.249.098.972</u>

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Dự thu tiền bán khí	583.648.996.471	493.552.624.923
Thuế giá trị gia tăng tạm trích nộp	901.526.841	55.968.574.875
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.139.657.189	6.783.509.478
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.050.160.000	30.000.000
Phải thu khác	5.390.875.081	37.586.492.421
	<u>603.131.215.582</u>	<u>593.921.201.697</u>
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ	17.711.785.125	3.445.385.125
	<u>17.711.785.125</u>	<u>3.445.385.125</u>
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	310.117.249.298	187.910.319.759



10. NỢ KHÓ ĐÒI

	31/12/2025			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	44.170.439.410	8.922.924.124	35.247.515.286	
Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân	11.296.297.196	-	11.296.297.196	Trên 3 năm
Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina	15.028.293.965	-	15.028.293.965	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Asaki Việt Nam	236.123.691	118.061.845	118.061.846	Từ 1 năm đến 2 năm
Công ty TNHH Gạch men Bách Thành	17.609.724.558	8.804.862.279	8.804.862.279	Từ 1 năm đến 2 năm
Phải thu ngắn hạn khác	4.870.608.031	-	4.870.608.031	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.870.608.031	-	4.870.608.031	Trên 3 năm
	49.041.047.441	8.922.924.124	40.118.123.317	
	31/12/2024			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	44.290.439.410	22.367.499.331	21.922.940.079	
Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân	11.296.297.196	-	11.296.297.196	Trên 3 năm
Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina	15.028.293.965	4.508.488.189	10.519.805.776	Từ 2 năm đến 3 năm
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Asaki Việt Nam	356.123.691	249.286.584	106.837.107	Từ 6 tháng đến 1 năm
Công ty TNHH Gạch men Bách Thành	17.609.724.558	17.609.724.558	-	Trên 3 tháng
Phải thu ngắn hạn khác	4.870.608.031	-	4.870.608.031	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.870.608.031	-	4.870.608.031	Trên 3 năm
	49.161.047.441	22.367.499.331	26.793.548.110	



11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.872.986.223	-	11.674.056.401	-
Công cụ, dụng cụ	43.468.905.053	-	36.319.183.936	-
Hàng hóa	686.751.787	-	634.730.337	-
	55.028.643.063	-	48.627.970.674	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	3.365.745.770	3.821.478.785
Bảo hiểm con người, rủi ro tài sản	2.380.857.117	2.532.204.525
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	984.888.653	1.289.274.260
b. Dài hạn	119.673.161.054	121.513.503.506
Tiền thuê đất, thuê mặt bằng trả trước	75.625.897.535	78.104.729.329
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.047.263.519	43.408.774.177
	123.038.906.824	125.334.982.291



13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	162.221.590.857	883.267.971.084	9.577.648.571	35.086.758.872	7.036.447.463	1.097.190.416.847
Mua trong năm	376.794.000	12.548.815.026	-	1.174.207.459	-	14.099.816.485
Số dư cuối năm	162.598.384.857	895.816.786.110	9.577.648.571	36.260.966.331	7.036.447.463	1.111.290.233.332
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	68.372.280.331	776.935.271.039	4.442.032.559	28.079.971.249	4.225.103.644	882.054.658.822
Khấu hao trong năm	11.864.505.199	29.859.704.803	996.921.804	3.988.899.285	1.106.753.076	47.816.784.167
Giảm khác	(387.898.877)	-	-	-	-	(387.898.877)
Số dư cuối năm	79.848.886.653	806.794.975.842	5.438.954.363	32.068.870.534	5.331.856.720	929.483.544.112
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	93.849.310.526	106.332.700.045	5.135.616.012	7.006.787.623	2.811.343.819	215.135.758.025
Tại ngày cuối năm	82.749.498.204	89.021.810.268	4.138.694.208	4.192.095.797	1.704.590.743	181.806.689.220

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 651.130.700.306 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 563.485.231.537 VND).



14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	17.666.598.290	45.545.065.586	63.211.663.876
Số dư cuối năm	<u>17.666.598.290</u>	<u>45.545.065.586</u>	<u>63.211.663.876</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	15.360.361.320	-	15.360.361.320
Khấu hao trong năm	1.681.585.213	-	1.681.585.213
Số dư cuối năm	<u>17.041.946.533</u>	<u>-</u>	<u>17.041.946.533</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>2.306.236.970</u>	<u>45.545.065.586</u>	<u>47.851.302.556</u>
Tại ngày cuối năm	<u>624.651.757</u>	<u>45.545.065.586</u>	<u>46.169.717.343</u>

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 11.238.394.418 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.123.221.418 VND).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Số đầu năm Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn không phải là bên liên quan chủ yếu		
Công ty TNHH Năng lượng xanh Meta	10.368.000.000	-
Các đối tượng khác	23.980.402.495	13.784.849.679
b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	977.412.843.542	1.998.552.205.166
	<u>1.011.761.246.037</u>	<u>2.012.337.054.845</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH HS Hyosung Việt Nam	13.281.076.187	28.659.922.678
Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai	7.811.008.288	10.226.633.203
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	6.987.638.391	10.055.849.296
Công ty Cổ phần Gốm sứ Long Hầu	6.745.067.208	7.118.984.074
Công ty TNHH Posco VST	60.499.077	16.500.000.000
Các khách hàng khác	18.048.314.821	24.595.655.741
	<u>52.933.603.972</u>	<u>97.157.044.992</u>



17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.634.493.668	2.634.493.668	60.640.347	60.640.347
	2.634.493.668	2.634.493.668	60.640.347	60.640.347
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	8.756.198.364	39.980.237.289	48.701.209.401	35.226.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	41.468.509.939	33.950.877.044	7.517.632.895
Thuế thu nhập cá nhân	3.604.974.533	8.527.576.829	10.313.452.865	1.819.098.497
Các loại thuế, phí và lệ phí khác	-	301.135.759	301.135.759	-
	12.361.172.897	90.277.459.816	93.266.675.069	9.371.957.644

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Chi phí phải trả ngắn hạn các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)		
Phải trả về chi phí mua khí	821.044.459.969	-
b. Chi phí phải trả không phải là bên liên quan chủ yếu	2.882.521.279	13.211.967.279
Phải trả về chi phí xây dựng tài sản cố định	-	7.730.911.444
Phải trả khác	2.882.521.279	5.481.055.835
	823.926.981.248	13.211.967.279

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	143.164.157.913	137.576.123.082
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Công nghiệp Kính NSG Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Hóa chất HYOSUNG VINA	22.000.000.000	22.000.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam	14.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	13.000.000.000	13.000.000.000
Khác	34.164.157.913	42.576.123.082
Phải trả ngắn hạn khác	631.668.449	629.146.135
	143.795.826.362	138.205.269.217



20. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	30.476.988.514	-	30.476.988.514	30.476.988.514
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Phú	-	-	30.476.988.514	-	30.476.988.514	30.476.988.514
	-	-	30.476.988.514	-	30.476.988.514	30.476.988.514

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay dưới hình thức hợp đồng tín dụng theo hạn mức ký kết với ngân hàng. Các khoản vay này dùng để thanh toán cho hợp đồng mua sắm vật tư của Công ty với kỳ hạn 12 tháng, chịu lãi suất cố định theo từng lần nhận nợ và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 6.

Trong năm, các khoản vay ngắn hạn của Công ty chịu lãi suất từ 5,7%/năm đến 5,8%/năm.



112
CÔNG
TINH
M 1
LOI
ỆT
PH

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư Phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế các năm trước	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc tại 31 tháng 12 năm 2024							
Số dư đầu năm	989.982.660.000	153.050.000	(9.550.000)	100.719.993.866	57.765.019.410	252.907.886.267	1.401.519.059.543
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	252.907.886.267	(252.907.886.267)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	249.168.381.705	249.168.381.705
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(9.606.418.558)	(15.051.620.035)	(24.658.038.593)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	79.736.365.880	(79.736.365.880)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(148.495.966.500)	-	(148.495.966.500)
Số dư cuối năm	989.982.660.000	153.050.000	(9.550.000)	180.456.359.746	72.834.154.739	234.116.761.670	1.477.533.436.155
Cho năm tài chính kết thúc tại 31 tháng 12 năm 2025							
Số dư đầu năm	989.982.660.000	153.050.000	(9.550.000)	180.456.359.746	72.834.154.739	234.116.761.670	1.477.533.436.155
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	234.116.761.670	(234.116.761.670)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	168.351.277.967	168.351.277.967
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	-	(9.903.823.171)	(12.000.000.000)	(21.903.823.171)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	-	-	74.750.514.512	(74.750.514.512)	-	-
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(148.495.966.500)	-	(148.495.966.500)
Số dư cuối năm	989.982.660.000	153.050.000	(9.550.000)	255.206.874.258	73.800.612.226	156.351.277.967	1.475.484.924.451

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 15 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định trích Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 74.750.514.512 VND; trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền lần lượt là 8.989.551.167 VND và 914.272.004 VND. Trong năm, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 với số tiền là 12.000.000.000 VND.
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/NQ-HĐQT/2025 ngày 21 tháng 7 năm 2025, Chủ tịch của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt ứng tỷ lệ 15% vốn điều lệ cho các cổ đông với số tiền là 148.495.966.500 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024. Ngày chi trả cổ tức là ngày 10 tháng 10 năm 2025.



Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 08 tháng 10 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 989.982.660.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	499.950.000.000	50,50%	499.950.000.000	50,50%
Tokyo Gas Asia Pte. Ltd	247.497.320.000	25,00%	247.497.320.000	25,00%
Saibu Gas Holdings Co. Ltd	207.897.750.000	21,00%	207.897.750.000	21,00%
Các cổ đông khác	34.637.590.000	3,50%	34.637.590.000	3,50%
	989.982.660.000	100%	989.982.660.000	100%

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	98.998.266	98.998.266
Cổ phiếu phổ thông	98.998.266	98.998.266
Số lượng cổ phiếu quỹ	955	955
Cổ phiếu phổ thông	955	955
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	98.997.311	98.997.311
Cổ phiếu phổ thông	98.997.311	98.997.311

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí thiên nhiên. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chủ yếu liên quan đến kinh doanh khí thiên nhiên. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 23 và số 24.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh khí thiên nhiên và các dịch vụ khác của Công ty đều trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán khí thấp áp	7.439.402.618.929	7.223.794.842.466
Doanh thu bán khí cho sản xuất CNG	3.859.486.918.387	3.709.900.844.016
Doanh thu bán LPG	149.077.280.684	-
Doanh thu khác	4.636.042.153	3.950.163.038
	11.452.602.860.153	10.937.645.849.520
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	4.012.733.475.340	3.714.075.517.640



24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán khí thấp áp	6.880.328.472.821	6.589.001.839.474
Giá vốn bán khí cho sản xuất CNG	3.754.969.507.229	3.579.902.806.482
Giá vốn bán LPG	148.942.952.815	-
Giá vốn khác	565.151.204	618.808.636
	10.784.806.084.069	10.169.523.454.592

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí mua khí	10.635.297.980.050	10.168.904.645.956
Chi phí nhân công	133.589.855.314	130.868.196.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.110.470.503	55.471.302.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.922.547.739	158.086.963.840
Chi phí khác bằng tiền khác	115.903.377.225	137.737.290.081
	11.134.824.230.831	10.651.068.398.677

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	42.836.563.966	31.054.795.044
	42.836.563.966	31.054.795.044

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	407.690.612.184	385.534.237.953
Chi phí nhân viên bán hàng	124.290.182.672	118.598.792.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.683.962.378	50.926.306.595
Chi phí thuê tài sản	62.739.945.495	63.143.583.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.384.854.570	65.487.057.075
Chi phí bán hàng khác	90.591.667.069	87.378.498.271
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	91.270.487.393	96.010.706.132
Chi phí nhân viên quản lý	9.299.672.642	12.269.403.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.426.508.125	4.544.995.651
Chi phí thuê văn phòng	6.328.140.000	6.328.140.000
Chi phí bảo hiểm	5.305.663.017	6.324.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	66.910.503.609	66.544.166.552
	498.961.099.577	481.544.944.085



28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	209.819.787.906	312.911.095.551
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>178.900.965</i>	<i>9.151.326.250</i>
<i>Các khoản điều chỉnh khác</i>	<i>-</i>	<i>2.106.573.920</i>
Thu nhập tính thuế hiện hành năm nay	209.998.688.871	324.168.995.721
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	209.998.688.871	324.168.995.721
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm nay	41.999.737.774	64.833.799.144
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(531.227.835)	(1.091.085.298)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.468.509.939	63.742.713.846

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	168.351.277.967	249.168.381.705
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>-Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)</i>	<i>(12.000.000.000)</i>	<i>(24.955.443.206)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	156.351.277.967	224.212.938.499
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	98.998.266	98.998.266
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.579	2.265

Công ty đã xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo số trích lập thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 15 tháng 4 năm 2025. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại là 2.265 VND/cổ phiếu (số đã trình bày trước đây là 2.365 VND/cổ phiếu).



Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính lại như sau:

	<u>Số đã trình bày</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>Trình bày lại</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	249.168.381.705	-	249.168.381.705
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:			
-Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(15.051.620.035)	(9.903.823.171)	(24.955.443.206)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	234.116.761.670	(9.903.823.171)	224.212.938.499
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	98.998.266	-	98.998.266
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.365	-	2.265

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng không hủy ngang với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần số 816/2025/PVGAS/VP-PVG.D/D4 ngày 30 tháng 12 năm 2025, với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027 với tiền thuê 1 năm là 7.820.305.560 VND (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng). Thời hạn thuê và đơn giá thuê sẽ tiếp tục được đàm phán tái tục trong vòng 3 tháng trước ngày kết thúc thời hạn thuê trên.

Cam kết thuê hệ thống khí thấp áp

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PVGAS-TC-PVGASD/D4) với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 VND (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng) kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008 đến ngày hoàn tất việc thực hiện mua bán công trình khí thấp áp giai đoạn 2 hoặc đến thời điểm hai bên thỏa thuận kết thúc việc thuê.



31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Công ty mẹ Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Khí Bắc Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (Đổi tên từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần – Chi nhánh khí Hải Phòng)	Chi nhánh Công ty mẹ
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Chi nhánh Công ty mẹ
Tokyo Gas Asia Pte. Ltd	Cổ đông góp vốn
Saibu Gas Holdings Co. Ltd	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Bình Khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas - Chi nhánh Vũng Tàu	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.012.733.475.340	3.714.075.517.640
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	2.623.413.688.063	2.331.189.074.166
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	1.236.073.230.324	1.378.711.769.850
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	119.393.398.029	-
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	29.683.882.655	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Bình Khí	4.169.276.269	4.174.673.624
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	10.877.377.776.359	10.264.443.707.660
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần	9.305.105.247.168	9.011.916.574.683
Chi nhánh Khí Bắc Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.397.437.176.604	1.212.546.620.824
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	148.942.952.815	-
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	3.129.110.956	3.354.067.730
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas - Chi nhánh Vũng Tàu	1.878.809.711	2.480.900.277
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	-	12.240.902.134
Khác	20.884.479.105	21.904.642.012
Chi trả cổ tức	143.301.760.500	143.301.760.500
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	74.992.500.000	74.992.500.000
Công ty Tokyo Gas Asia Pte. Ltd	37.124.598.000	37.124.598.000
Công ty Saibu Gas Holdings Co., Ltd	31.184.662.500	31.184.662.500



Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lê Minh Hải - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.429.806.131	1.645.843.951
Ông Trần Trung Chính - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 24 tháng 4 năm 2023)	-	130.315.959
Ông Trần Thanh Nam - Thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc công ty (đến ngày 21 tháng 10 năm 2024)	241.859.778	1.498.483.633
Bà Nguyễn Thục Quyên - Thành viên Hội đồng Quản trị	1.229.172.531	1.405.648.364
Bà Trần Thị Hạnh Thục - Thành viên Hội đồng Quản trị	172.911.251	172.201.717
Ông Yosuke Fujii - Thành viên Hội đồng Quản trị	172.911.251	172.201.717
Ông Đỗ Phạm Hồng Minh - Thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc công ty (từ ngày 21 tháng 10 năm 2024)	1.066.502.792	167.055.997
Ông Đỗ Phạm Hồng Minh - Phó Giám đốc (đến ngày 21 tháng 10 năm 2024)	189.744.899	1.155.942.088
Ông Nguyễn Nhật Quốc Toàn - Phó giám đốc (đến ngày 01 tháng 12 năm 2025)	1.119.346.419	979.097.569
Ông Nguyễn Tuấn Cường - Phó giám đốc (đến ngày 01 tháng 12 năm 2025)	895.484.219	132.365.874
Ông Đinh Ngọc Huy - Phó giám đốc (đến ngày 02 tháng 01 năm 2024)	-	380.804.216
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh - Phó giám đốc (từ ngày 21 tháng 02 năm 2025)	767.470.852	-
Ông Nguyễn Tiến Hải - Trưởng ban kiểm soát	1.070.614.371	181.444.192
Bà Phạm Thị Thu Hà - Trưởng Ban kiểm soát (đến ngày 21 tháng 10 năm 2024)	188.650.627	1.134.576.429
Ông Phạm Tuấn Anh - Thành viên Ban kiểm soát	120.474.167	120.001.145
Ông Trần Huỳnh Thanh Tú - Thành viên Ban kiểm soát	107.803.899	57.607.770
Ông Nguyễn Quang Huy - Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 21 tháng 10 năm 2024)	111.697.098	542.788.953
Ông Nguyễn Quang Huy - Phó giám đốc (đến ngày 02 tháng 01 năm 2024)	17.776.411	394.766.907
Ông Đặng Quốc Vương - Kế toán trưởng	1.202.749.187	1.300.358.088

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	190.482.772.167	376.486.837.098
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	149.602.150.918	376.486.837.098
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	29.332.880.798	-
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas	11.547.740.451	-
Phải thu ngắn hạn khác	310.117.249.298	187.910.319.759
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	209.961.822.634	22.670.524.323
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	99.742.946.765	140.385.395.645
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Bình Khí	412.479.899	433.924.349
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ Phần	-	23.854.272.252
Chi nhánh Khí Bắc Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	566.203.190



	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kí cược, kí quỹ dài hạn	1.661.785.125	1.661.785.125
Tổng Công ty khí Việt Nam- Công ty Cổ phần	1.661.785.125	1.661.785.125
Phải trả người bán ngắn hạn	977.412.843.542	1.998.552.205.166
Tổng Công ty khí Việt Nam- Công ty Cổ phần	817.340.364.747	1.725.541.484.068
Chi nhánh Khí Bắc Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam	130.898.389.805	271.505.405.485
- Công ty Cổ phần		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	27.497.464.890	-
Các bên liên quan khác	1.676.624.100	1.505.315.613
Chi phí phải trả ngắn hạn	821.044.459.969	-
Tổng Công ty khí Việt Nam- Công ty Cổ phần	699.161.627.435	-
Chi nhánh Khí Bắc Bộ - Tổng Công ty Khí Việt Nam	121.882.832.534	-
- Công ty Cổ phần		

32. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có thể phát sinh chi phí phá dỡ, xử lý tài sản gắn liền với đất để hoàn trả mặt bằng trong trường hợp không được gia hạn sử dụng đất vào cuối thời hạn thuê các khu đất tại các tỉnh nơi Công ty có hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành. Hiện tại, Công ty không nhận được thông tin nào về việc các hợp đồng thuê đất này sẽ không được gia hạn vào cuối thời hạn thuê nên chưa có khoản dự phòng phải trả liên quan đến chi phí phá dỡ, khôi phục và hoàn trả mặt bằng nói trên được ghi nhận vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 12.445.865.686 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.019.653.686 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 12.139.657.189 VND (năm 2024: 6.783.509.478 VND), là lãi tiền gửi trong năm chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Huỳnh Minh Hùng
Người lập biểu




Đặng Quốc Vương
Kế toán trưởng

Đỗ Phạm Hồng Minh
Giám đốc



Ngày 28 tháng 02 năm 2026

